

BỘ TƯ PHÁP  
VIỆN KHOA HỌC PHÁP LÝ  
TS. TRƯƠNG HỒNG QUANG

# CHỈ DẪN PHÁP LUẬT

## VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung:  
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP – XUẤT BẢN  
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: ThS. VẦN THỊ THANH HƯƠNG  
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH  
TRẦN QUỐC THẮNG  
NGUYỄN THỊ THẢO  
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ  
Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI  
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG  
Đọc sách mẫu: TRẦN KHÁNH LY  
BÍCH LIỄU

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 427-2021/CXBIPH/26-365/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 29-QĐ/NXBCTQG, ngày 18/02/2021.

Nộp lưu chiểu: tháng 4 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-6514-2.

CHỈ DẪN PHÁP LUẬT

VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP

XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Chỉ dẫn pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành  
chính. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 244tr. ; 21cm

ISBN 9786045757659

1. Pháp luật 2. Phạt hành chính 3. Việt Nam

342.59706 - dc23

CTH0662p-CIP

**BỘ TƯ PHÁP  
VIỆN KHOA HỌC PHÁP LÝ  
TS. TRƯỞNG HỒNG QUANG**

# **CHỈ DẪN PHÁP LUẬT VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong hệ thống pháp luật xử lý vi phạm hành chính, biện pháp xử lý hành chính là các biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Qua nhiều lần ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế (năm 1995, 2002, 2008, 2012, 2014, 2017), Luật Xử lý vi phạm hành chính nói chung và các quy định về áp dụng biện pháp xử lý hành chính nói riêng đã được cụ thể hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Chính vì vậy, việc theo dõi, nắm bắt nội dung của pháp luật về lĩnh vực này đôi khi khá khó khăn, phức tạp. Xuất phát từ thực tiễn đó, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Chỉ dẫn pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính*** do TS. Trương Hồng Quang, công tác tại Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) tổng hợp và biên soạn. Cuốn sách cung cấp các quy định pháp luật về đối tượng áp dụng, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng, thi hành quyết định và một số quy định khác về biện pháp xử lý hành chính. Cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo

hữu ích cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ các cấp và người dân trong việc tìm hiểu kiến thức pháp luật về vấn đề áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nắm được quyền, nghĩa vụ của mình khi ở trong trường hợp bị đề nghị áp dụng các biện pháp này.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong bạn đọc góp ý để lần xuất bản sau cuốn sách có chất lượng tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2020*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



## **DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

1. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017;

2. Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết gọn là Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13);

3. Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP ngày 24/12/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP);

4. Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);

5. Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 97/2017/NĐ-CP);

6. Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 19/2020/NĐ-CP);

7. Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Nghị định số 111/2013/NĐ-CP);

8. Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Nghị định số 56/2016/NĐ-CP);

9. Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP);

10. Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy

định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

11. Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10/01/2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc (sau đây viết gọn là Nghị định số 02/2014/NĐ-CP);

12. Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH);

13. Thông tư số 38/2014/TT-BCA ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng (sau đây viết gọn là Thông tư số 38/2014/TT-BCA);

14. Thông tư số 42/2014/TT-BCA ngày 25/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong Công an nhân dân khi áp dụng và thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Thông tư số 42/2014/TT-BCA);

15. Thông tư số 48/2014/TT-BCA ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013

quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Thông tư số 48/2014/TT-BCA);

16. Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn công tác quản lý, chăm sóc, tư vấn, điều trị cho người nhiễm HIV và dự phòng lây nhiễm HIV tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT);

17. Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc khám, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý tại cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT);

18. Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA);

19. Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Thông tư số 19/2015/TT-BTP);

20. Thông tư số 20/2015/TT-BCA ngày 14/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Nội quy trường giáo dưỡng (sau đây viết gọn là Thông tư số 20/2015/TT-BCA);

21. Thông tư số 21/2015/TT-BCA ngày 14/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Nội quy cơ sở giáo dục bắt buộc (sau đây viết gọn là Thông tư số 21/2015/TT-BCA);

22. Thông tư số 09/2017/TT-BTP ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Thông tư số 09/2017/TT-BTP);

23. Thông tư số 05/2018/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an ngày 07/02/2018 quy định việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Thông tư số 05/2018/TT-BCA);

24. Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats (sau đây viết gọn là Quyết định số 5075/QĐ-BYT);

25. Quyết định số 3556/QĐ-BYT ngày 10/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp dạng Amphetamine (sau đây viết gọn là Quyết định số 3556/QĐ-BYT).

# **LUẬT**

## **XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH<sup>1</sup>**

### **(Trích)<sup>2</sup>**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.*

### **Phần thứ nhất**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

...

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

...

---

1. Luật số: 15/2012/QH13 ban hành ngày 20/6/2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017.

2. Tác giả chỉ trích dẫn và tổng hợp các quy định liên quan đến biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

3. Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

...

16. Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

17. Người đại diện hợp pháp bao gồm cha mẹ hoặc người giám hộ, luật sư, trợ giúp viên pháp lý.

### **Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính**

...

2. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bao gồm:

a) Cá nhân chỉ bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu thuộc một trong các đối tượng quy định tại các điều 90, 92, 94 và 96 của Luật này;

b) Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải được tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Việc quyết định thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

d) Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính.



Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.

*Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Điều 2 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP<sup>1</sup> quy định như sau:*

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Nhanh chóng, công khai, khách quan, công bằng; đúng thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

2. Không xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; tôn trọng và bảo vệ bí mật riêng tư của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

Không công khai việc tổ chức, nội dung, kết quả cuộc họp tư vấn, hồ sơ và thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên.

3. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng

---

1. Nghị định này được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP.

minh mình không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, nhà trường và gia đình trong việc giúp đỡ, giáo dục người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

5. Việc quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

6. Chỉ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với người chưa thành niên thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, chỉ quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi không đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

7. Trong quá trình xem xét quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ.

*Khoản 2 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng được hướng dẫn bởi Điều 3 Nghị định*

*số 112/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2016/NĐ-CP) như sau:*

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Việc tạm giữ, áp giải người theo thủ tục hành chính và áp dụng hình thức xử phạt trực xuất phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng thủ tục, thẩm quyền và thời hạn quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 102 Luật Hải quan, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người bị tạm giữ, áp giải theo thủ tục hành chính và người bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

3. Trong mọi trường hợp, việc tạm giữ, áp giải người theo thủ tục hành chính, áp dụng hình thức xử phạt trực xuất phải có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại Điều 12, Điều 25, Điều 7 Nghị định này; phải giao cho người bị tạm giữ, áp giải, người bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất một bản. Người ra quyết định áp dụng biện pháp tạm giữ, áp giải người theo thủ tục hành chính, áp dụng hình thức xử phạt trực xuất phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

...

### **Điều 5. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính**

...

2. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là

cá nhân được quy định tại các điều 90, 92, 94 và 96 của Luật này.

Các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người nước ngoài.

## **Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính**

...

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 90; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 90 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 90; 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật này;

*Khoản này được hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

2. Đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính và thời hiệu áp dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với các đối tượng này được xác định như sau:

a) Đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm

rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự, thì thời hiệu là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

b) Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

c) Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên;

d) Đối tượng là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định, thì thời hiệu là 03 tháng, kể từ ngày đối tượng có hành vi sử dụng ma túy bị phát hiện.

Người nghiện ma túy đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy thì

cũng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng này được tiến hành đồng thời với việc cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

đ) Đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính đối với lần vi phạm này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên.

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 92 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92 của Luật này;

c) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối

một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 của Luật này;

d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này.

*Điểm d được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP<sup>1</sup> như sau:*

Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép lần cuối bị phát hiện và lập biên bản theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

*Điều 6 cũng được quy định chi tiết tại Điều 9 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP:*

### **Điều 9. Về thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 01 năm, 06 tháng hoặc 03 tháng tùy từng trường hợp cụ thể và được tính từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm; do đó, thời hiệu áp dụng biện pháp

---

1. Nghị định này được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

xử lý hành chính được tính từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 92 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92; khoản 1 Điều 94 hoặc khoản 1 Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính cho đến ngày Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Trường hợp do hành vi của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án đã chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không khởi tố vụ án hình sự mà chuyển trả hồ sơ vụ việc đề nghị xử lý vi phạm hành chính thì thời gian cơ quan tiến hành tố tụng hình sự xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự được tính vào thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

## **Điều 7. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính**

...

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp



dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

*Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định tại Điều 7 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

Cá nhân bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tái phạm, thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

## **Điều 8. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính**

1. Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự<sup>1</sup>, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.

2. Thời gian ban đêm được tính từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

## **Điều 9. Tình tiết giảm nhẹ**

Những tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ:

---

1. Xem các quy định từ Điều 144 đến Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

2. Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính;

3. Vi phạm hành chính trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

4. Vi phạm hành chính do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

5. Người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

6. Vi phạm hành chính vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

7. Vi phạm hành chính do trình độ lạc hậu;

8. Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định.

*Đối với các tình tiết giảm nhẹ, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định như sau:*

1. Khi quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính phải được xem xét, gồm:

a) Người vi phạm đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện và xử lý vi phạm;

c) Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

d) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

đ) Người vi phạm là phụ nữ mang thai, người nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

g) Vi phạm do trình độ lạc hậu.

## **Điều 10. Tình tiết tăng nặng**

1. Những tình tiết sau đây là tình tiết tăng nặng:

a) Vi phạm hành chính có tổ chức;

b) Vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm;

c) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

d) Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính;

đ) Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính;

g) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính;

h) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính;

i) Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;

k) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính;

l) Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;

m) Vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

2. Tình tiết quy định tại khoản 1 Điều này đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

*Điều này được hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

2. Khi quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, những tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính phải được xem xét, gồm:

- a) Vi phạm có tổ chức;
- b) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm;
- c) Lăng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm có tính chất côn đồ;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;
- đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;
- e) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm;
- g) Vi phạm đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

...

## **Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
3. Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi

phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.

4. Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật này.

6. Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.

7. Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.

8. Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

9. Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

10. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

11. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xử phạt vi phạm hành chính, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng

biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

12. Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

*Điều 12 được quy định chi tiết tại Điều 6 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi nhận tiền, tài sản, hạn chế quyền hợp pháp của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; hồ sơ đề

ngộ hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; hồ sơ đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Lợi dụng, bóc lột sức lao động, giao khoán sản phẩm đối với người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Yêu cầu hoặc gợi ý người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc gia đình họ đóng góp tiền hoặc vật chất khác ngoài các quy định của pháp luật.

6. Kéo dài quá thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong quyết định của Tòa án.

...

## **Phần thứ ba**

### **ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

#### *Chương I*

#### **CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

**Điều 89. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với các đối tượng quy định tại



Điều 90 của Luật này để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 4. Đối tượng, thời hiệu, thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này để giám sát, quản lý, giáo dục họ tại nơi cư trú, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, khắc phục các nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng.

*Khoản này được hướng dẫn bởi khoản 4 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

4. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của người vi phạm.

**Điều 90. Đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành

vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự<sup>1</sup>.

*Khoản này được quy định chi tiết tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

---

1. Vấn đề xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được quy định chi tiết tại Điều 13 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP:

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính căn cứ theo giấy khai sinh của đối tượng. Trường hợp không có giấy khai sinh hoặc không thể xác định chính xác ngày, tháng, năm sinh trong giấy khai sinh, thì căn cứ vào chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác được cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp không có các giấy tờ trên để xác định độ tuổi xử lý vi phạm hành chính thì căn cứ vào sổ hộ tịch hoặc các giấy tờ, sổ sách, tài liệu khác của cơ quan nhà nước có liên quan để xác định độ tuổi của đối tượng.

Trường hợp thông tin ngày, tháng, năm sinh ghi trong các giấy tờ trên không thống nhất, thì xác định theo ngày, tháng, năm sinh trong giấy tờ theo hướng có lợi nhất cho đối tượng.

2. Trường hợp giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này không ghi rõ ngày, tháng, năm sinh, thì việc xác định ngày, tháng, năm sinh được tính như sau:

a) Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng, thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh;

b) Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý, thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh;

c) Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm, thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh;

d) Nếu xác định được năm cụ thể nhưng không xác định được ngày, tháng, thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh.

3. Việc xác định độ tuổi tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản.

Bên cạnh đó, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự được hiểu là: trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày người đó thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy đến mười lăm năm tù thì bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 1 Điều 4 Thông tư số 48/2014/TT-BCA).

a) Đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự, thì thời hiệu là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự<sup>1</sup>.

*Khoản này được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

b) Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự<sup>2</sup>.

---

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự được hiểu là: trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày người đó thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy đến bảy năm tù thì bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 2 Điều 4 Thông tư số 48/2014/TT-BCA).

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng hoặc là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội, được hiểu là: trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày người đó thực hiện một trong những hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c, đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đến lần thứ hai, nếu tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính từ lần thứ ba trở đi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại lần vi phạm này mà lập biên bản vi phạm và hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2014/TT-BCA).

*Khoản này được quy định chi tiết tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP), Điều 5 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

c) Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên.

**Điều 5. Điều kiện chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình**

1. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này nếu đáp ứng các điều kiện sau đây, thì được xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình:

a) Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình;

b) Có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp này;

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ có nhân thân tốt, có điều kiện thuận lợi để quản lý, giáo dục người chưa thành niên và có bản cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định này.

*Khoản này được quy định chi tiết tại Điều 5 Thông tư số 48/2014/TT-BCA như sau:*

**Điều 5. Điều kiện chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình**

1. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP*) được xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình; đã thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra hoặc đã được cha, mẹ, người giám hộ khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại thay.

b) Người được giáo dục phải có nơi cư trú, nơi học tập hoặc làm việc rõ ràng, hợp pháp.

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ có nhân thân tốt, đang cư trú cùng với người được giáo dục; có nguồn thu nhập ổn định và đáp ứng đủ mức sống tối thiểu cho người được giáo dục; có kế hoạch, điều kiện và thời gian thuận lợi để quản lý, giáo dục người được giáo dục; có bản cam kết bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.

2. Việc đánh giá điều kiện về có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP căn cứ vào quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” để xem xét, quyết định.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình từ 03 tháng đến 06 tháng.

4. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định.

*Khoản này được quy định chi tiết tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

d) Đối tượng là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định, thì thời hiệu là 03 tháng, kể từ ngày đối tượng có hành vi sử dụng ma túy bị phát hiện;

Người nghiện ma túy đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy thì cũng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại

xã, phường, thị trấn đối với đối tượng này được tiến hành đồng thời với việc cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

5. Người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Khoản này được quy định chi tiết tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

đ) Đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính đối với lần vi phạm này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên.

6. Những người quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này mà không có nơi cư trú ổn định thì được giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo

dục trong thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

*Đối với khoản 3, khoản 5 Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017 tiếp tục được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP<sup>1</sup> như sau:*

1. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi đối tượng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng.

*Điều 90 cũng được quy định bổ sung tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

3. Không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nước ngoài.

### **Điều 91. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

1. Đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 92 của Luật này nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 24 tháng.

---

1. Nghị định này được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.



## **Điều 92. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng<sup>1</sup>**

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu

---

1. Cần chú ý thêm Điều 12 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP:

### **Điều 12. Về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài**

1. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại các điều 92, 94 và 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đó nhập cảnh vào Việt Nam bằng giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Người đó cư trú ở Việt Nam cho đến khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

*Khoản này tiếp tục được quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

**Điều 16. Lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

2. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi đối tượng đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng.

**Điều 5. Về đối tượng thuộc trường hợp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại khoản 4 Điều 92 và khoản 1 Điều 94 của Luật Xử lý vi phạm hành chính**

1. Đối tượng thuộc trường hợp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 4 Điều 92 của Luật Xử lý vi phạm hành chính là người đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà trong thời hạn 06 tháng họ đã ít nhất 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc hoặc gây rối trật tự công cộng và trong thời hạn 06 tháng đó họ lại thực hiện một trong các hành vi này, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây:

- a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

### **Điều 93. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 94 của Luật này để lao động, học văn hóa, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng.

### **Điều 94. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc<sup>1</sup>**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo

---

1. Cần chú ý thêm Điều 12 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP:

#### **Điều 12. Về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài**

1. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại các điều 92, 94 và 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đó nhập cảnh vào Việt Nam bằng giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Người đó cư trú ở Việt Nam cho đến khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

dục bắt buộc là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP:*

**Điều 16. Lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

2. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi đối tượng đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng.

**Điều 5. Về đối tượng thuộc trường hợp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại khoản 4 Điều 92 và khoản 1 Điều 94 của Luật Xử lý vi phạm hành chính**

2. Đối tượng thuộc trường hợp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 94 của Luật

Xử lý vi phạm hành chính là người đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (đối với người có nơi cư trú ổn định) hoặc chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (đối với người không có nơi cư trú ổn định) mà trong thời hạn 06 tháng họ đã ít nhất 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài hoặc vi phạm trật tự, an toàn xã hội và trong thời hạn 06 tháng đó họ lại thực hiện một trong các hành vi này, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- b) Người chưa đủ 18 tuổi;
- c) Nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi;
- d) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- đ) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

## **Điều 95. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm quy định tại Điều 96 của Luật này để chữa bệnh, lao động, học

văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

**Điều 96. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc<sup>1</sup>**

1. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

---

1. Cần chú ý thêm Điều 12 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP:

**Điều 12. Về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài**

1. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại các điều 92, 94 và 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đó nhập cảnh vào Việt Nam bằng giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Người đó cư trú ở Việt Nam cho đến khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2. Người vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

*Nội dung hướng dẫn khoản này được quy định tại Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) như sau:*

**Điều 3. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy.

3. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có nơi cư trú ổn định.

*Khoản này quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) như sau:*

3. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cũng được áp dụng đối với người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

*Vấn đề nơi cư trú ổn định được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP:*

1. Nơi cư trú ổn định là nơi người vi phạm thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống.

2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

## *Chương II*

# **THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

**Điều 97. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn<sup>1</sup>**

1. Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hoặc

---

1. Các biểu mẫu liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 42/2014/TT-BCA.



đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.

3. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

4. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo cho người bị áp dụng. Đối với người chưa thành niên thì còn được thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP như sau:*

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 4 Điều 97, khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị áp dụng hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên về việc lập hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu rõ biện pháp xử lý hành chính áp dụng trong hồ sơ đề nghị, quyền được đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo.

*Điều 97 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017 được quy định chi tiết từ Điều 9 đến Điều 16 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Các điều 9, 10, 11, 13, 15, 16 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP như sau:*

**Điều 9. Đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này do Trưởng Công an cấp xã tự lập hoặc trên cơ sở đề nghị của những người sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập;

c) Đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các đơn vị tương đương.

2. Đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được lập thành văn bản và gửi đến Trưởng Công an cấp xã. Người đề nghị phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trong văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nội dung của văn bản đề nghị phải ghi rõ địa danh, ngày, tháng, năm; họ, tên và tên cơ quan, tổ chức của người đề nghị; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nhân thân của người vi phạm; hành vi vi phạm, nơi thực hiện hành vi vi phạm, lý do đề nghị, tài liệu liên quan (nếu có); chữ ký của người đề nghị.

4. Trong thời hạn tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin về hành vi vi phạm và nhân thân người vi phạm; trường hợp người bị đề nghị là người chưa thành niên, thì tham khảo ý kiến của công chức văn hóa - xã hội phụ trách công tác trẻ em hoặc cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có) về đặc điểm và hoàn cảnh gia đình của người chưa thành niên.

Trưởng Công an cấp xã không chấp nhận đề nghị lập hồ sơ nếu thấy văn bản đề nghị không đúng đối

tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này hoặc sự việc đang trong quá trình hòa giải hoặc đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; nếu người đề nghị không đồng ý, thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sau khi chấp nhận đề nghị lập hồ sơ, Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại các điều 11, 12, 13 và 14 của Nghị định này.

5. Trường hợp người vi phạm là người chưa thành niên, nếu xét thấy đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này, Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này.

6. Trưởng Công an cấp xã thông báo bằng văn bản cho người đề nghị về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận lập hồ sơ.

### **Điều 10. Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này cư trú lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định

này thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, sau đó chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.

3. Cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật Xử lý vi phạm hành chính lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, sau đó chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.

**Điều 11. Thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Việc thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

- a) Thu thập thông tin, tài liệu về hành vi vi phạm;
- b) Xác định tuổi theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này;
- c) Xác minh nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này;
- d) Thu thập các thông tin và tài liệu khác có liên quan.

2. Đối với người nghiện ma túy, ngoài những thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, thì phải xác định tình trạng nghiện ma túy hiện tại của họ.

Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an về thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy.

3. Đối với người chưa thành niên, ngoài các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Thu thập thêm thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm;

b) Lấy ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có);

c) Lấy ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em.

4. Người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này có trách nhiệm thu thập các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Thông tin thu thập được phải thể hiện bằng văn bản.

Đối với trường hợp hồ sơ do Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện lập, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm thu thập thêm thông tin quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có), cha

mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, nhà trường, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu hoặc có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan công an trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

**Điều 12. Xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn căn cứ theo giấy khai sinh của đối tượng. Trường hợp không có giấy khai sinh hoặc không thể xác định chính xác ngày, tháng, năm sinh trong giấy khai sinh, thì căn cứ vào chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác được cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp không có các giấy tờ trên để xác định tuổi, thì căn cứ vào sổ hộ tịch hoặc các giấy tờ, sổ sách, tài liệu khác của cơ quan nhà nước có liên quan để xác định tuổi của đối tượng.

Trường hợp thông tin ngày, tháng, năm sinh ghi trong các giấy tờ trên không thống nhất, thì xác định theo ngày, tháng, năm sinh trong giấy tờ theo hướng có lợi nhất cho đối tượng.

2. Trường hợp giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này không ghi rõ ngày, tháng, năm sinh, thì việc xác định ngày, tháng, năm sinh được tính như sau:

a) Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng, thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh;

b) Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý, thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh;

c) Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm, thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh;

d) Nếu xác định được năm cụ thể nhưng không xác định được ngày, tháng, thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh.

3. Việc xác định tuổi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản.

**Điều 13. Xác minh nơi cư trú và chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này có trách nhiệm xác minh nơi cư trú ổn định của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ.



Nơi cư trú ổn định là nơi đối tượng thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống hoặc phần lớn thời gian sinh sống.

Không có nơi cư trú ổn định là trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm và người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định hoặc trường hợp xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm nhưng người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định.

1a. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này phải chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định<sup>1</sup> tại

---

1. Điều 3 Thông tư số 48/2014/TT-BCA quy định: “Trong các trường hợp sau đây thì người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được coi là không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP:

1. Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó, thường xuyên thay đổi chỗ ở”.

địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, thì người có thẩm quyền lập hồ sơ xử lý như sau:

a) Trưởng Công an cấp xã đã lập hồ sơ đối với đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Cơ quan Công an cấp huyện, Công an cấp tỉnh đã lập hồ sơ đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định<sup>1</sup> là người chưa thành niên, mà không xác minh được nơi

---

1. Điều 3 Thông tư số 48/2014/TT-BCA quy định: “Trong các trường hợp sau đây thì người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được coi là không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP:

1. Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó, thường xuyên thay đổi chỗ ở”.

cư trú, Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, Cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc chuyển đối tượng và bản sao hồ sơ đến cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em theo danh mục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; đồng thời, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em đó đóng trụ sở để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Điều 14. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

1. Bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm;
2. Văn bản đề nghị lập hồ sơ quy định tại Điều 9 của Nghị định này;
3. Các văn bản, tài liệu được thu thập theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này;
4. Bệnh án (nếu có);
5. Bản tường trình của người vi phạm;
6. Các tài liệu khác có liên quan.

**Điều 15. Xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ nơi khác gửi đến**

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được chuyển

đến theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này, trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định hoặc nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đóng trụ sở giao hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này. Thời hạn kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**Điều 16. Gửi hồ sơ và thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị hoặc sau khi kiểm tra, bổ sung hồ sơ quy định tại Điều 15 của Nghị định này, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trưởng Công an cấp xã phải gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời, thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Họ, tên người vi phạm;
- b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;

c) Quyền đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo; địa điểm đọc hồ sơ; thời hạn đọc, ghi chép và sao chụp là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo;

d) Quyền phát biểu ý kiến về hồ sơ tại cuộc họp tư vấn.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

### **Điều 98. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp.

*Khoản này được quy định chi tiết từ Điều 17 đến Điều 19 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, trong đó, Điều 18 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP như sau:*

**Điều 17. Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ phải bảo đảm sự phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau đây:

a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị quy định tại Điều 14 của Nghị định này;

b) Đối tượng và thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định.

2. Văn bản kiểm tra tính pháp lý phải có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; được lưu trong hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Điều 18. Cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn để xem xét quyết định áp dụng biện pháp.

2. Thành viên của cuộc họp tư vấn gồm có:

a) Trưởng Công an cấp xã;

b) Công chức tư pháp - hộ tịch;

c) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở;

d) Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người chưa thành niên, ngoài những thành phần nêu trên, thì phải có công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội hoặc cộng tác viên trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có); đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, thì phải có đại diện của cơ sở đó;

đ) Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người nghiện ma túy, ngoài những thành phần nêu trên, thì phải có đại diện tổ công tác cai nghiện ma túy ở cộng đồng hoặc đại diện cơ sở điều trị nghiện;

e) Trong trường hợp cần thiết, có thể mời tổ hòa giải, cơ quan Công an nơi đã chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tham dự.

3. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến về việc áp dụng biện pháp. Cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên; người bị hại (nếu có) được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Trường hợp cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên không tham dự được mà có lý do chính đáng, thì phải hoãn cuộc họp tư vấn. Số lần hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 03 ngày làm việc, thời gian hoãn không tính vào thời gian xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp này. Trường hợp cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên vẫn không thu xếp tham dự được cuộc họp trong thời gian nêu trên do không có mặt tại địa phương, điều kiện sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác thì phải có trách nhiệm cử đại diện gia đình hoặc người thân thích khác tham dự và phát biểu tại cuộc họp.

Việc mời những người nêu trên tham gia cuộc họp phải được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi trước khi tiến hành cuộc họp ít nhất 03 ngày làm việc. Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được, thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản.



3a. Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cố tình trốn tránh không tham dự cuộc họp tư vấn; người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được cuộc họp tư vấn và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản hoặc cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không thể tham dự được cuộc họp tư vấn do có lý do chính đáng, đã hoãn theo quy định tại khoản 3 Điều này thì vẫn tiếp tục tổ chức cuộc họp tư vấn.

4. Cuộc họp tư vấn chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên quy định tại khoản 2 Điều này có mặt.

5. Trình tự, nội dung của cuộc họp tư vấn:

a) Đại diện Công an cấp xã nêu vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, kết quả xác minh, chứng cứ thu thập được, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, biện pháp hòa giải, các biện pháp giúp đỡ, giáo dục đã áp dụng đối với người đó (nếu có); công chức tư pháp - hộ tịch trình bày kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

b) Người bị đề nghị giáo dục trình bày lý do vi phạm pháp luật, nhận thức của mình về hành vi

vi phạm và kế hoạch sửa chữa khuyết điểm; đưa ra các chứng cứ có liên quan; trường hợp họ vắng mặt thì ý kiến của họ phải được đọc tại cuộc họp;

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, lý do vi phạm, trách nhiệm quản lý, giáo dục người chưa thành niên tại gia đình;

d) Người bị hại (nếu có) phát biểu ý kiến về thiệt hại của mình;

đ) Công chức văn hóa - xã hội hoặc cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có) phát biểu ý kiến về nhân thân của người bị đề nghị giáo dục, hoàn cảnh gia đình, đề xuất biện pháp giáo dục, hỗ trợ phù hợp;

e) Các thành viên thảo luận về sự cần thiết áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của đối tượng; các hình thức, biện pháp giáo dục; thời gian áp dụng biện pháp; lựa chọn cơ quan, tổ chức phù hợp để giao trách nhiệm quản lý, giáo dục đối tượng; khả năng áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, các hình thức giáo dục, hỗ trợ đối với đối tượng là người chưa thành niên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này; hình thức cai nghiện đối với người nghiện ma túy trong trường hợp họ không tự nguyện lựa chọn và cam kết theo quy định tại điểm g khoản này;

g) Tùy vào thực tiễn của địa phương, người nghiện ma túy phải lựa chọn hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật. Người nghiện ma túy phải cam kết về việc tự nguyện cai nghiện, điều trị nghiện.

6. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và lưu vào hồ sơ.

*Điều này được quy định chi tiết tại Điều 6 Thông tư số 48/2014/TT-BCA như sau:*

**Điều 6. Họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công người dự họp ghi Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải thể hiện những nội dung chính sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm, mục đích họp;
- b) Họ, tên, chức danh của người dự họp;
- c) Tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên dự họp về từng vấn đề thảo luận, ý kiến của người

được giáo dục (nếu có), vấn đề được thảo luận và biểu quyết;

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

2. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt như phải tập trung vào việc phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thực hiện yêu cầu chính trị của địa phương hoặc cha, mẹ, người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải hoãn cuộc họp tư vấn; số lần hoãn cuộc họp không quá 03 lần. Khi đã hết số lần hoãn cuộc họp mà vẫn không thể tổ chức, triệu tập được thành viên dự họp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên dự họp về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm tập hợp các ý kiến của đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân đã lấy ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

### **Điều 19. Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Ngay sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn, căn cứ vào biên bản cuộc họp, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về nội dung cuộc họp; đề xuất áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; lý do đề xuất; các ý kiến khác nhau của thành viên cuộc họp tư vấn (nếu có).

Trường hợp đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, ngoài những nội dung nêu trên, báo cáo tóm tắt phải đề xuất thời hạn áp dụng, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục đối tượng;

b) Tài liệu kèm theo gồm: Hồ sơ đề nghị áp dụng quy định tại Điều 14 của Nghị định này, biên bản cuộc họp tư vấn và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này.

*Đối với trường hợp đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, Điều 20 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định như sau:*

**Điều 20. Đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình**

1. Biện pháp quản lý tại gia đình được xem xét áp dụng trong các giai đoạn sau đây:

a) Xem xét đề nghị lập hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định này;

b) Thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ quy định tại Điều 11 và kiểm tra hồ sơ từ nơi khác gửi đến quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

c) Sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

2. Trưởng Công an cấp xã yêu cầu cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên làm bản cam kết gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Bảo đảm về chỗ ở để người chưa thành niên sống cùng cha mẹ hoặc người giám hộ;

b) Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

c) Phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân được phân công giám sát để quản lý, giáo dục người chưa thành niên;

d) Báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình quản lý người chưa thành niên;

đ) Thực hiện tốt việc quản lý, giáo dục để người chưa thành niên không vi phạm pháp luật.

3. Trưởng Công an cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của Trưởng Công an cấp xã, trong đó nêu rõ họ, tên người vi phạm; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú; hành vi vi phạm; lý do đề nghị áp dụng; dự kiến thời hạn áp dụng và tên tổ chức,

cá nhân phối hợp cùng gia đình trong việc giám sát người chưa thành niên;

b) Bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm;

c) Các văn bản, tài liệu được thu thập để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

d) Bản tường trình của người vi phạm;

đ) Văn bản cam kết của cha mẹ hoặc người giám hộ.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tùy từng đối tượng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.

*Khoản này được quy định chi tiết tại các điều 21, 23, 24 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 21. Ra quyết định quản lý tại gia đình và quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không đồng ý với đề nghị của Trưởng Công an cùng

cấp trong giai đoạn lập hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20 của Nghị định này, thì chuyển lại để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; trường hợp không đồng ý với việc đề nghị sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Nghị định này, thì ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại Điều 18 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- b) Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- c) Quyết định quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

### **Điều 23. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- d) Hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;



đ) Lý do không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và gửi cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

Đối với người chưa thành niên đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, quyết định được gửi đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em và cơ quan đã gửi hồ sơ. Người chưa thành niên đang ở cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em được tiếp tục ở lại cơ sở nếu có nguyện vọng.

#### **Điều 24. Quyết định quản lý tại gia đình**

1. Quyết định quản lý tại gia đình gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người chưa thành niên;
- d) Lý do áp dụng;
- đ) Họ, tên, nơi cư trú của cha mẹ hoặc người giám hộ;
- e) Thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định;
- g) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát;
- h) Trách nhiệm của người chưa thành niên nếu tiếp tục vi phạm pháp luật;

i) Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định quản lý tại gia đình có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát người chưa thành niên để thực hiện.

3. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục; hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn áp dụng; ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục; quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

1. Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục;

d) Hành vi vi phạm pháp luật; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

đ) Tên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên, thì phải ghi rõ cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm phối hợp quản lý.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định, thì phải ghi rõ giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người nghiện ma túy, thì phải ghi rõ hình thức cai nghiện, điều trị nghiện; cá nhân, tổ chức có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc quản lý, giúp đỡ người nghiện;

e) Thời hạn áp dụng biện pháp; ngày thi hành quyết định;

g) Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

2. Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người được giáo dục, gia đình người được giáo

dục, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

*Khoản này được quy định chi tiết tại các điều 38, 42 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

**Điều 38. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định này;

b) Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này;

c) Quyết định phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định này;

d) Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;

đ) Bản cam kết về việc chấp hành quyết định của người được giáo dục quy định tại Điều 28 của Nghị định này;

e) Biên bản cuộc họp góp ý đối với người giáo dục quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Nghị định này (nếu có);

g) Sổ theo dõi sự tiến bộ của người được giáo dục và báo cáo kết quả giám sát, giáo dục, giúp đỡ của người được phân công giúp đỡ quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị định này;

h) Báo cáo hàng tháng của người được giáo dục về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, tu dưỡng, kết quả sửa chữa sai phạm và sự tiến bộ của mình quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định này;

i) Các tài liệu về việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú của người được giáo dục quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Nghị định này (nếu có);

k) Quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 36 của Nghị định này (nếu có);

k1) Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 35 của Nghị định này (nếu có);

k2) Quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 35 của Nghị định này (nếu có);

k3) Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 35a của Nghị định này (nếu có);

l) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 37 của Nghị định này;

m) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quản lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

#### **Điều 42. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình**

1. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này;

b) Quyết định quản lý tại gia đình quy định tại Điều 24 của Nghị định này;

c) Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có);

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được quản lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định.

#### **Điều 99. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng<sup>1</sup>**

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào

---

1. Xem các biểu mẫu liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCA.

trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

c) Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực

tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng Công an cùng cấp.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP như sau:*

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 4 Điều 97, khoản 3 Điều 99, khoản 3



Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị áp dụng hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên về việc lập hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu rõ biện pháp xử lý hành chính áp dụng trong hồ sơ đề nghị, quyền được đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo.

*Khoản này tiếp tục được quy định chi tiết tại Điều 11 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 11. Hồ sơ, thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ quan đã lập hồ sơ chuyển hồ sơ đó cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Công văn của cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

b) Các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập biên bản.

2. Sau khi kiểm tra tính pháp lý theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013

quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện để xem xét, quyết định việc đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ gồm:

a) Các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b) Văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập biên bản.

**Điều 100. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 99 của Luật này, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật này;

b) Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

*Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định vào trường giáo dưỡng được hướng dẫn bởi Điều 12 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định vào trường giáo dưỡng**

1. Khi đưa người vào trường giáo dưỡng phải có hồ sơ kèm theo. Hồ sơ gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

b) Bản tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

c) Danh, chỉ bản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

d) Bản sao các quyết định giáo dục đã áp dụng (nếu có);

đ) Quyết định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp này (nếu có);

e) Tài liệu khác liên quan đến nhân thân của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (nếu có).

2. Khi giao, nhận người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng phải lập biên bản. Trường giáo dưỡng phải đối chiếu, kiểm tra người được giao, nhận với hồ sơ và lập biên bản ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe hiện tại của người được giao, nhận; tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo và những vấn đề khác có liên quan đến việc giao, nhận.

**Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng quy định tại Điều 94 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được

nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này

được quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển Trưởng Công an cùng cấp.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP như sau:*

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 4 Điều 97, khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị áp dụng hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên về việc lập hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu rõ biện pháp xử lý hành chính áp dụng trong hồ sơ đề nghị, quyền được đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo.

*Khoản này cũng được quy định chi tiết tại Điều 26 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 26. Hồ sơ, thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng

biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ quan đã lập hồ sơ chuyển hồ sơ đó cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Trường hợp Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở nhận hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Trưởng Công an cấp huyện gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Hồ sơ và thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

**Điều 102. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này;

b) Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

*Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được hướng dẫn bởi Điều 27 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP.*

**Điều 27. Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Khi đưa người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải có hồ sơ kèm theo. Hồ sơ gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Quyết định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời gian làm thủ tục (nếu có);

c) Bản tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

d) Bản sao các quyết định giáo dục đã áp dụng (nếu có);

đ) Danh, chỉ bản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;



e) Tài liệu cần thiết khác liên quan đến nhân thân của người phải chấp hành quyết định và để phục vụ cho việc quản lý, giáo dục người đó (nếu có).

2. Khi tiếp nhận người có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải đối chiếu, kiểm tra người được giao, nhận với hồ sơ, chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân khác của người đó và lập biên bản giao, nhận, ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe hiện tại của người được giao, nhận; tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo và những vấn đề khác liên quan đến việc giao, nhận.

### **Điều 103. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy quy định tại Điều 96 của Luật này được thực hiện như sau<sup>1</sup>:

a) Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy;

---

1. Các biểu mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH.

bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người nghiện ma túy;

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp

giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

*Khoản này được quy định chi tiết tại Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP như sau:*

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 4 Điều 97, khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị áp dụng hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên về việc lập hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu rõ biện pháp xử lý hành chính áp dụng trong hồ sơ đề nghị, quyền được đọc, ghi chép và sao chụp

những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo.

2. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 1 Điều này do Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, Trưởng phòng tư pháp cấp huyện thực hiện phải bảo đảm sự phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau:

a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 97; khoản 1, khoản 2 Điều 99; khoản 1, khoản 2 Điều 101; khoản 1, khoản 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính; đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính quy định tại Điều 90, Điều 92, Điều 94 và Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị; trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định.

3. Văn bản kiểm tra tính pháp lý phải có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và được đóng dấu; đối với cấp xã phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Văn bản kiểm tra tính pháp lý được gửi kèm hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

*Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017 được hướng dẫn tại*

*khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) như sau:*

3. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cũng được áp dụng đối với người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

*Điều 103 nêu trên cũng được quy định chi tiết từ Điều 8 đến Điều 12 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) như sau:*

**Điều 8. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Khi phát hiện người sử dụng ma túy trái phép, Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép của người đó và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện người sử dụng ma túy trái phép thì báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ:

a) Trường hợp người vi phạm cư trú tại xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm và đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy thì lập

hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Trường hợp người vi phạm có nơi cư trú không thuộc xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì bàn giao người và biên bản vi phạm cho cơ quan Công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, mỗi bên giữ một bản;

c) Trường hợp chưa xác định được nơi cư trú ổn định của người vi phạm, thì tiến hành xác định nơi cư trú ổn định của người đó. Trong thời gian 15 ngày làm việc, nếu xác định được nơi cư trú ổn định thì thực hiện theo điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này; nếu không xác định được nơi cư trú ổn định thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

2. Trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh phát hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép hoặc dấu hiệu nghiện ma túy của người vi phạm thì tiến hành lập biên bản, xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với người đó:

a) Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì lập hồ sơ đề nghị

áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi người đó cư trú.

b) Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở.

### **Điều 9. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy tại thời điểm lập hồ sơ;

d) Bản sao giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này hoặc bản sao Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định:

a) Tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Phiếu trả lời kết quả của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này về tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định.

*Điều 8, Điều 9 nêu trên được quy định chi tiết tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 05/2018/TT-BCA như sau:*

**Điều 5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định, gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan Công an nơi lập hồ sơ. Trường hợp có căn cứ cho rằng người vi phạm cố tình che giấu lý lịch của bản thân thì cơ quan lập hồ sơ lập danh, chỉ bản của người vi phạm kèm theo Bản tóm tắt lý lịch;

b) Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai



nghiện bắt buộc hoặc của người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng ma túy trái phép theo mẫu biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy tại thời điểm lập hồ sơ;

d) Bản sao Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn (theo mẫu số MGCN01 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) đối với trường hợp đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định chấm dứt thi hành Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Các tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Phiếu trả lời kết quả của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP về tình trạng nghiện hiện tại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định.

**Điều 6. Thu thập tài liệu, lập hồ sơ đối với trường hợp người nghiện ma túy do Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện**

Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện) hoặc cơ quan Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện

đối với người đó và phối hợp với Công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú hoặc Công an cấp xã nơi xảy ra hành vi vi phạm hoặc cơ sở xã hội (nếu có) để quản lý người có hành vi vi phạm trong thời gian thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

### **Điều 10. Thẩm quyền xác định người nghiện ma túy**

1. Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sĩ, y sĩ, được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ tập huấn về chẩn đoán, điều trị cắt cơn nghiện ma túy do các cơ quan, tổ chức được Bộ Y tế giao tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ, đang làm việc tại: các cơ sở y tế quân y, y tế quân dân y; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành công an; phòng y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc; phòng y tế của các cơ sở có chức năng tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; bệnh viện cấp huyện trở lên và bệnh viện thuộc các bộ, ngành khác.

2. Người có thẩm quyền xác định người nghiện ma túy phải chịu trách nhiệm về việc xác định của mình trước pháp luật.

*Thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy được hướng dẫn bởi Điều 3 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA<sup>1</sup>:*

**Điều 3. Thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy**

Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sĩ hoặc y sĩ, có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, có chứng chỉ hoặc chứng nhận tập huấn về chẩn đoán và điều trị cắt cơn nghiện ma túy do Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc các viện, bệnh viện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ điều kiện thực hiện tập huấn và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận được Bộ Y tế giao, đang làm việc tại các cơ sở y tế sau:

1. Các cơ sở y tế quân y, y tế quân dân y.
2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành công an.
3. Phòng y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc.
4. Phòng y tế của các cơ sở có chức năng tiếp

---

1. Ngoài ra, cần xem thêm Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats; Quyết định số 3556/QĐ-BYT ngày 10/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp dạng Amphetamine.

nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; bệnh viện cấp huyện trở lên và bệnh viện thuộc các Bộ, ngành khác.

**Điều 11. Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 9 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Họ và tên người vi phạm;
- b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;
- c) Quyền của người được thông báo: người được thông báo có quyền đọc, ghi chép, sao chụp hồ sơ và phát biểu ý kiến về việc lập hồ sơ tại Tòa án nhân dân cấp huyện;
- d) Địa điểm đọc hồ sơ;
- đ) Thời gian đọc hồ sơ: thời gian đọc hồ sơ là 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

*Việc đọc hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hướng dẫn bởi Điều 7 Thông tư số 05/2018/TT-BCA như sau:*

**Điều 7. Việc đọc hồ sơ**

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ, cơ quan Công an nơi lập hồ sơ phải gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện văn bản thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Việc cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc hồ sơ phải được lập biên bản (theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Việc đọc hồ sơ được thực hiện theo giờ hành chính tại trụ sở cơ quan lập hồ sơ hoặc địa điểm thuận tiện do cơ quan lập hồ sơ lựa chọn. Thời hạn đọc hồ sơ là 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

4. Cơ quan Công an lập hồ sơ có trách nhiệm bố trí cán bộ giám sát việc đọc hồ sơ, chuẩn bị 01 bản phô tô hồ sơ để phục vụ cho việc đọc hồ sơ (chỉ xuất trình bản chính khi người đọc hồ sơ yêu cầu cần đối chiếu).

5. Sau thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu người được thông báo không thực

hiện việc đọc hồ sơ theo thông báo thì việc tiến hành các thủ tục lập hồ sơ vẫn được thực hiện theo quy định.

**Điều 12. Gửi hồ sơ để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ đánh bút lục, lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, chuyển hồ sơ kèm theo văn bản của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, như sau:

a) Đối với hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này thì chuyển hồ sơ tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Kết quả kiểm tra phải được thể hiện bằng văn bản và gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

3. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều này phải bảo đảm phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau:

a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

d) Thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Thẩm quyền lập hồ sơ;

e) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

**Điều 104. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 103 của Luật này, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp



hồ sơ chưa đầy đủ thì giao cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 103 của Luật này;

b) Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

*Điều 104 nêu trên được quy định chi tiết tại Điều 13 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) như sau:*

**Điều 13. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối chiếu hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 9 Nghị định này với nội dung văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân

cấp huyện, bản sao lưu tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ bổ sung, trong đó nêu rõ lý do và các tài liệu cần bổ sung vào hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trưởng phòng Tư pháp và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân cùng cấp. Văn bản nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành.

3. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*Vấn đề kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tiếp tục được quy định chi tiết tại Mục 3 Chương II Thông tư số 19/2015/TT-BTP (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2017/TT-BTP) như sau:*

...

### **Mục 3**

#### **HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

**Điều 16. Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Việc kiểm tra sự phù hợp, tính hợp pháp và đầy đủ của các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ vào quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư

số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc của người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu do Bộ Công an hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, nếu có). Trường hợp không có mẫu, bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu biên bản số 01 (mẫu biểu MBB01) ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) hoặc phiếu xét nghiệm dương tính với chất ma túy (theo mẫu do Bộ Y tế ban hành, nếu có);

d) Tài liệu chứng minh về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy đã áp dụng gồm: Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 (mẫu biểu MGCN01) ban

hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP hoặc Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Mẫu quyết định số 04 (mẫu biểu MQĐ04) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP;

đ) Tài liệu, giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó gồm có:

a) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định;

b) Các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này;

c) Tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu có).

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc

Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm có các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.

6. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm không có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm có các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 17. Kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

Việc kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 4 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau: Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày

cá nhân thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép<sup>1</sup> lần cuối, bị phát hiện và lập biên bản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

**Điều 18. Kiểm tra đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về độ tuổi, hành vi vi phạm và các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

a) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện

---

1. Người sử dụng ma túy trái phép là người đưa ma túy vào cơ thể mà không theo chỉ định của y, bác sĩ điều trị (khoản 3 Điều 2 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP).

pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

b) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

c) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy, nhưng không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

d) Người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).



2. Các trường hợp không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: người nước ngoài; người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận bằng văn bản.

**Điều 19. Kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

Việc kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định và trường hợp người nghiện ma túy không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Đối với trường hợp người nghiện ma túy không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó,

thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện ma túy thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 20. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Việc kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ theo quy định tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; Điều 8 Nghị

định số 221/2013/NĐ-CP và quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo các nội dung sau:

a) Việc thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về thành phần hồ sơ đề nghị đối với từng trường hợp quy định tại Điều 16 Thông tư này và về thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Việc xác định nơi cư trú của người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật phải bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

c) Việc xác định độ tuổi của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

d) Việc chuyển người vi phạm không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật trong trường hợp xác định được nơi cư trú về địa phương nơi người đó cư trú để xử lý phải được lập thành biên bản và bảo đảm phù hợp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bàn giao quy định tại điểm b khoản 1 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Việc thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ

về việc lập hồ sơ do cơ quan hoặc người có thẩm quyền đã lập hồ sơ đề nghị thực hiện phải bảo đảm phù hợp về hình thức, nội dung và thời hạn thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

### *Chương III*

## **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

### **Điều 105. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

1. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 105 của Luật Xử lý vi phạm hành chính gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vi phạm cư trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đã tiếp nhận

người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định  
đóng trụ sở<sup>1</sup>.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết  
định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng,  
đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện  
bắt buộc.

### **Điều 106. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục  
Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các  
biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo  
dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*Điều này được quy định cụ thể tại Pháp lệnh số  
09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban thường  
vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định, áp  
dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân  
(sau đây gọi tắt là Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13)  
như sau:*

---

1. Điều 3 Thông tư số 48/2014/TT-BCA quy định: “Trong các trường hợp sau đây thì người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được coi là không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP:

1. Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó, thường xuyên thay đổi chỗ ở”.

## *Chương I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Tòa án nhân dân (sau đây gọi chung là biện pháp xử lý hành chính); trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

#### **Điều 2. Nguyên tắc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm các quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên còn phải bảo đảm các quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 134 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do một Thẩm phán thực hiện.

3. Khi xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

4. Bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành phiên họp.

5. Tiếng nói, chữ viết dùng trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án là tiếng Việt.

Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là người bị đề nghị) hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và phải có người phiên dịch.

6. Người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền tự mình hoặc nhờ luật sư, người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người bị đề nghị là người chưa thành niên mà không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Tòa án bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị.

7. Bảo đảm quyền của người bị đề nghị được giải trình trước Tòa án, tranh luận với cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

8. Bảo đảm quyền được xem xét theo hai cấp trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

### **Điều 3. Thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ quan đề nghị có trụ sở.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

### **Điều 4. Kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhằm bảo đảm việc giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

2. Viện kiểm sát tham gia các phiên họp; tham gia việc xét hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Pháp lệnh này.

3. Sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ việc tại Tòa án đã thụ lý vụ việc đó.

### **Điều 5. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không được can thiệp trái pháp luật vào việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án.



2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cá nhân, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với Tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có yêu cầu của Tòa án.

3. Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và được cá nhân, cơ quan, tổ chức tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan phải chấp hành quyết định của Tòa án và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành đó.

**Điều 6. Trách nhiệm quản lý công tác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao quản lý công tác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của các Tòa án có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp trong việc đề xuất ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

2. Tổ chức việc thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

3. Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về

xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính<sup>1</sup>;

4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của các Tòa án;

5. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

## *Chương II*

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 7. Thời hạn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án phải ra một trong các quyết định quy định tại điểm h khoản 2 Điều 20 của Pháp lệnh này; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

---

1. Khoản này được hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP ngày 24/12/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP).

## **Điều 8. Nhận, thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Khi nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền chuyển đến, Tòa án phải vào sổ giao nhận; trường hợp hồ sơ không đủ tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 102 hoặc khoản 2 Điều 104 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Tòa án trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết.

## **Điều 9. Phân công Thẩm phán xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 8 của Pháp lệnh này, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đối với việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Thẩm phán được phân công phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục và hoạt động phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

2. Thẩm phán được phân công phải từ chối xem xét, quyết định nếu có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

3. Trường hợp Thẩm phán được phân công không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc thuộc trường hợp phải từ chối xem xét, quyết định thì Chánh án Tòa án

phân công Thẩm phán khác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

**Điều 10. Những trường hợp phải từ chối, thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp**

1. Là người thân thích của người bị đề nghị.
2. Đã tiến hành xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong cùng vụ việc đó.
3. Đã tiến hành việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong cùng vụ việc đó.
4. Có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

**Điều 11. Thông báo về việc thụ lý**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý, Tòa án phải thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Văn bản thông báo phải có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

- a) Ngày, tháng, năm làm văn bản thông báo;
- b) Tên Tòa án đã thụ lý hồ sơ;
- c) Số, ngày, tháng, năm thụ lý hồ sơ;
- d) Tên cơ quan đề nghị;

---

1. Xem Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

- d) Họ và tên, địa chỉ của người bị đề nghị;
- e) Biện pháp xử lý hành chính được đề nghị áp dụng.

## **Điều 12. Kiểm tra hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Thẩm phán được phân công phải kiểm tra hồ sơ về các nội dung sau đây:

a) Tài liệu trong hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 102 hoặc khoản 2 Điều 104 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính<sup>1</sup>;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Trường hợp cần thiết<sup>2</sup>, Thẩm phán có thể tham vấn ý kiến của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú để

---

1. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được hướng dẫn tại Điều 9 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

2. “Trường hợp cần thiết” quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 3 Điều 17 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 là trường hợp Thẩm phán xét thấy cần có thêm ý kiến của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học; của đại diện chính quyền địa phương, cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, nhà trường nơi người bị đề nghị là người chưa thành niên học tập; người giám định, người phiên dịch để làm rõ những tình tiết, tài liệu có trong hồ sơ đề nghị, nhưng chưa rõ ràng hoặc còn có ý kiến khác nhau (Điều 3 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP).

làm rõ tình trạng sức khỏe, tâm lý, điều kiện sống, học tập của họ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ, Thẩm phán phải quyết định về một trong các nội dung sau đây:

- a) Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ;
- b) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- c) Mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

**Điều 13. Quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đã thụ lý.

2. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có thể được thực hiện tại Tòa án hoặc gửi qua bưu điện.

**Điều 14. Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ**

1. Thẩm phán yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung tài liệu, chứng cứ trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi tài liệu chứng minh hành vi vi phạm của người bị đề nghị, tài liệu về nhân thân, tình trạng sức

khỏe của người bị đề nghị chưa rõ hoặc có mâu thuẫn mà không thể bổ sung, làm rõ tại phiên họp;

b) Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ tài liệu, chứng cứ cần bổ sung và lý do của việc yêu cầu bổ sung<sup>1</sup>.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung cho Tòa án.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu, chứng cứ bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ quan được yêu cầu không bổ sung tài liệu, chứng cứ, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

**Điều 15. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Thẩm phán quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ sau đây<sup>2</sup>:

- a) Hết thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- b) Người bị đề nghị đã chết;
- c) Người bị đề nghị không thuộc đối tượng áp dụng

---

1. Xem Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

2. Xem Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

biện pháp xử lý hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 92, khoản 1 Điều 94 hoặc khoản 1 Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Người bị đề nghị thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 92, khoản 2 Điều 94 hoặc khoản 2 Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Cơ quan đề nghị rút đề nghị;

e) Người bị đề nghị đã có bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với hành vi bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

g) Người bị đề nghị đang chấp hành hình phạt tù, đang chờ chấp hành hình phạt tù hoặc hình phạt tử hình theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

1. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Pháp lệnh thì Tòa án trả hồ sơ đề nghị cho cơ quan đề nghị và xóa sổ thụ lý.

2. Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ sau đây<sup>1</sup>:

a) Hành vi của người bị đề nghị có dấu hiệu tội phạm và Tòa án phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có

---

1. Xem Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.



thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự xem xét hoặc người bị đề nghị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi đó;

b) Khi phát sinh tình tiết mới về tình trạng sức khỏe, tâm thần của người bị đề nghị và cần yêu cầu cơ quan đề nghị tiến hành trưng cầu giám định;

c) Người bị đề nghị đang bị bệnh hiểm nghèo<sup>1</sup> có xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 2*

*Điều 8 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

2. Trường hợp Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Pháp lệnh thì Tòa án sẽ mở lại phiên họp để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi căn cứ tạm đình chỉ không còn. Thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

## **Điều 16. Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp, Tòa án phải mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

---

1. Người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong hủi, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS hoặc bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của Bộ Y tế (khoản 4 Điều 3 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP).

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị đề nghị;

b) Cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên;

c) Tên cơ quan đề nghị;

d) Biện pháp xử lý hành chính được đề nghị áp dụng;

đ) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp;

e) Họ và tên Thẩm phán và Thư ký phiên họp;

g) Họ và tên người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

h) Họ và tên người phiên dịch;

i) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp.

3. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi mở phiên họp, quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại các điểm a, b, c, g, h và i khoản 2 Điều này và Viện kiểm sát cùng cấp.

*Điều 16 được quy định chi tiết tại Điều 1 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

**Điều 1. Về tổng đạt, niêm yết quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Người thực hiện việc tổng đạt quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là quyết định

---

1. Xem Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

mở phiên họp) phải trực tiếp chuyển giao cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cha, mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên (sau đây gọi chung là người được tổng đạt). Người được tổng đạt phải ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận quyết định mở phiên họp.

2. Việc tổng đạt quyết định mở phiên họp qua dịch vụ bưu chính phải bằng thư bảo đảm và có xác nhận của người được tổng đạt. Văn bản có xác nhận phải được chuyển lại cho Tòa án. Thời điểm để tính thời hạn tổng đạt quyết định mở phiên họp là ngày người được tổng đạt xác nhận là họ đã nhận được quyết định mở phiên họp do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến.

3. Quyết định mở phiên họp được tổng đạt đến địa chỉ của người được tổng đạt. Trường hợp người được tổng đạt đã chuyển đến nơi cư trú mới và đã thông báo cho Tòa án việc thay đổi nơi cư trú thì phải tổng đạt theo địa chỉ nơi cư trú mới của họ. Nếu người được tổng đạt không thông báo cho Tòa án biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới thì Tòa án thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này.

Người được tổng đạt phải ký nhận theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người được tổng đạt từ chối nhận quyết định mở phiên họp thì người thực hiện

việc tổng đạt phải lập biên bản, trong đó nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là tổ trưởng tổ dân phố) hoặc đại diện công an xã, phường, thị trấn về việc người đó từ chối nhận quyết định mở phiên họp.

5. Trường hợp người được tổng đạt vắng mặt thì người thực hiện việc tổng đạt phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố để thực hiện việc ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được tổng đạt.

Trường hợp người được tổng đạt vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì người thực hiện việc tổng đạt phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố hoặc đại diện công an xã, phường, thị trấn; đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết bản chính quyết định mở phiên họp tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được tổng đạt; niêm yết bản sao quyết định mở phiên họp tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được tổng đạt.

6. Việc tổng đạt, niêm yết quyết định mở phiên họp phải bảo đảm thời hạn tổng đạt, niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Pháp lệnh.

7. Các biên bản được hướng dẫn tại khoản 4 và khoản 5 Điều này phải được lưu trong hồ sơ vụ việc.

8. Trường hợp Tòa án đã tổng đạt trực tiếp quyết định mở phiên họp cho người được tổng đạt, nhưng do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng xảy ra đối với họ vào trước thời điểm Tòa án mở phiên họp hoặc ngay trong thời điểm họ đang trên đường đến Tòa án để tham gia phiên họp (như do thiên tai, hỏa hoạn, bị tai nạn, ốm nặng phải đi bệnh viện cấp cứu, người thân bị chết v.v.) nên họ không thể có mặt tại phiên họp theo giấy triệu tập của Tòa án và Tòa án đã nhận được thông báo từ phía người được tổng đạt thì Tòa án phải hoãn phiên họp. Trường hợp người được tổng đạt vắng mặt không phải do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo thủ tục chung.

### **Điều 17. Thành phần phiên họp**

1. Người tiến hành phiên họp gồm có Thẩm phán và Thư ký phiên họp.

2. Người tham gia phiên họp gồm có đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị.

3. Trường hợp cần thiết<sup>1</sup>, Tòa án yêu cầu đại diện cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, người giám định, người phiên dịch, chuyên gia y tế, giáo dục, tâm lý, đại diện của nhà trường nơi người bị đề nghị là người chưa thành niên học tập, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị cư trú hoặc những người khác tham gia phiên họp để trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan.

**Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia phiên họp**

1. Yêu cầu thay đổi người tiến hành phiên họp.
2. Được biết, đọc, ghi chép, sao chụp và xem tài liệu trong hồ sơ đề nghị.
3. Cung cấp tài liệu, chứng cứ, giải trình, tranh luận tại phiên họp theo quy định của Pháp lệnh này.
4. Ủy quyền bằng văn bản cho luật sư hoặc người khác đại diện cho mình tham gia phiên họp đối với trường hợp là người bị đề nghị.
5. Được nhận các quyết định của Tòa án.

---

1. “*Trường hợp cần thiết*” quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 3 Điều 17 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 là trường hợp Thẩm phán xét thấy cần có thêm ý kiến của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học; của đại diện chính quyền địa phương, cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, nhà trường nơi người bị đề nghị là người chưa thành niên học tập; người giám định, người phiên dịch để làm rõ những tình tiết, tài liệu có trong hồ sơ đề nghị, nhưng chưa rõ ràng hoặc còn có ý kiến khác nhau (Điều 3 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP).

6. Được khiếu nại theo quy định của Pháp lệnh này.
7. Phải có mặt tại phiên họp theo yêu cầu của Tòa án.
8. Tôn trọng Tòa án, chấp hành nội quy phiên họp.
9. Chấp hành quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Người tham gia phiên họp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Pháp lệnh này phải có mặt tại phiên họp; trường hợp đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên họp.

2. Người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị vắng mặt có lý do chính đáng thì Tòa án có thể hoãn phiên họp; trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc có yêu cầu xem xét vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

3. Trường hợp người phiên dịch vắng mặt mà Tòa án không thể thay thế ngay được thì phải hoãn phiên họp.

4. Thời hạn hoãn phiên họp không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo hoãn. Tòa án phải

thông báo về việc hoãn phiên họp cho những người tham gia phiên họp quy định tại khoản 1 Điều này và nêu rõ lý do hoãn, thời gian mở lại phiên họp<sup>1</sup>.

Đối với người vắng mặt tại phiên họp thì Tòa án phải thông báo bằng văn bản.

**Điều 20. Trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp tiến hành các công việc sau đây:

- a) Phổ biến nội quy phiên họp;
- b) Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

- a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;
- b) Thẩm phán phải giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp. Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán thì Thẩm phán phải

---

1. Trường hợp hoãn phiên họp theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 thì Tòa án phải thông báo cho những người tham gia phiên họp về việc hoãn phiên họp, lý do hoãn và thời gian mở lại phiên họp. Đối với những người vắng mặt tại phiên họp thì ngay sau khi hoãn phiên họp, Tòa án phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do hoãn, thời gian mở lại phiên họp cho họ biết (Điều 4 Nghị quyết số 04/2015/NĐ-HĐTP). Xem Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.



xem xét; nếu có căn cứ thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định. Nếu phải thay đổi Thẩm phán mà không có Thẩm phán khác thay thế thì phải hoãn phiên họp. Việc hoãn phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Pháp lệnh này;

*Thẩm quyền quyết định việc thay đổi Thẩm phán được hướng dẫn bởi Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

**Điều 6.** Về thẩm quyền quyết định việc thay đổi Thẩm phán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13: “Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán thì Thẩm phán phải xem xét; nếu có căn cứ thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định”; do đó, nếu có yêu cầu thay đổi Thẩm phán và Thẩm phán xét thấy mình thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh thì Thẩm phán tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định việc thay đổi Thẩm phán; nếu Thẩm phán xét thấy việc yêu cầu thay đổi Thẩm phán là không có căn cứ thì không chấp nhận và tiếp tục xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP).

c) Đại diện cơ quan đề nghị trình bày nội dung đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

d) Người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên trình bày ý kiến về nội dung đề nghị của cơ quan đề nghị;

đ) Người tham gia phiên họp trình bày ý kiến về điều kiện áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nhân thân của người bị đề nghị; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; hình thức, biện pháp đã giáo dục; đề nghị hoặc không đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

e) Đại diện cơ quan đề nghị, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị tranh luận về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính<sup>1</sup>;

h) Thẩm phán công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh này.

---

1. Sau khi những người tham gia phiên họp kết thúc tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và ý kiến của Viện kiểm sát về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Điều 7 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP).

*Liên quan đến Điều này, Điều 11 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP quy định một trường hợp đặc biệt như sau:*

**Điều 11. Về việc giải quyết đối với trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, nhưng tại thời điểm Tòa án xem xét, quyết định thì người bị đề nghị đã đủ 18 tuổi**

Trường hợp tại thời điểm Tòa án xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng mà người bị đề nghị đã đủ 18 tuổi thì Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, nếu người bị đề nghị có đủ điều kiện thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp người bị đề nghị không có đủ các điều kiện thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì Tòa án quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

### **Điều 21. Biên bản phiên họp**

Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của Thẩm phán.

Sau khi kết thúc phiên họp, Thẩm phán phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

Kiểm sát viên, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị, đại diện cơ quan đề nghị được xem biên bản phiên họp, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp và ký xác nhận.

**Điều 22. Nội dung quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính và các quyết định khác**

1. Các quyết định của Tòa án quy định tại điểm h khoản 2 Điều 20 của Pháp lệnh này phải có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

- a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;
- d) Họ và tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp;
- đ) Họ và tên đại diện cơ quan đề nghị;
- e) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; tên và địa chỉ của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;
- g) Biện pháp xử lý hành chính cụ thể được đề nghị áp dụng;

---

1. Xem Mẫu số 07, 08, 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

h) Lý do và các căn cứ ra quyết định;

i) Quyết định về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì phải nêu rõ biện pháp, thời hạn áp dụng. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã bị tạm giữ thì thời gian tạm giữ được trừ vào thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

k) Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức thi hành quyết định;

l) Quyền khiếu nại đối với quyết định;

m) Hiệu lực của quyết định;

n) Nơi nhận quyết định.

### **Điều 23. Hiệu lực các quyết định của Tòa án**

1. Quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 31 của Pháp lệnh này mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

2. Các quyết định của Tòa án, trừ các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này có hiệu lực ngay, kể từ ngày ra quyết định.

...

### **Điều 25. Quản lý hồ sơ về việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

Tài liệu, văn bản do Tòa án ban hành trong quá trình xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính

phải được lập thành hồ sơ, đánh số bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>.

...

#### *Chương IV*

### **KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

#### *Mục 1*

#### **KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 29. Các quyết định của Tòa án có thể bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị**

1. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
2. Quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
3. Quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
4. Quyết định về việc hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

---

1. Xem Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

5. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

**Điều 30. Người có quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án**

1. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền khiếu nại quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Cơ quan đề nghị có quyền kiến nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật.

**Điều 31. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án**

1. Thời hạn khiếu nại của người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp, cha mẹ hoặc người giám hộ của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định; trường hợp họ vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn khiếu nại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Trường hợp ốm đau, thiên tai, địch họa hoặc trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn

thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

2. Thời hạn kiến nghị của cơ quan đề nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

**Điều 32. Thủ tục khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án**

1. Người khiếu nại phải gửi đơn đến Tòa án đã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, trong đó nêu rõ lý do và căn cứ khiếu nại.

2. Cơ quan đề nghị kiến nghị, Viện kiểm sát cùng cấp kháng nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và căn cứ kiến nghị, kháng nghị gửi đến Tòa án đã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

**Điều 33. Thủ tục giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại hoặc văn bản kiến nghị, kháng nghị, Tòa án đã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải gửi đơn hoặc văn bản kiến nghị, kháng nghị kèm theo hồ sơ cho Tòa án cấp trên trực tiếp để xem xét, giải quyết; đồng thời, thông báo về việc khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị cho cá nhân, cơ quan có liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại hoặc văn bản kiến nghị, kháng nghị kèm theo hồ sơ, Tòa án cấp trên trực tiếp



phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, cơ quan kiến nghị và Viện kiểm sát cùng cấp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải mở phiên họp xem xét, giải quyết. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi mở phiên họp, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản việc mở phiên họp cho những người quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị có sự tham gia của người khiếu nại, người đại diện hợp pháp của người khiếu nại và đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp; trường hợp đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên họp. Việc hoãn phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Pháp lệnh này.

Người khiếu nại vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng thì Tòa án phải hoãn phiên họp, nếu không có lý do chính đáng hoặc có đơn xin vắng mặt hoặc vắng mặt lần thứ hai thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

Tòa án có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học tham gia phiên họp để phát biểu ý kiến về vấn đề chuyên môn có liên quan đến nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Người khiếu nại rút khiếu nại, cơ quan đề nghị rút kiến nghị, Viện kiểm sát rút kháng nghị thì Tòa án

đình chỉ việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; trong trường hợp này, quyết định đã bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

**Điều 34. Trình tự tiến hành phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án**

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp tiến hành các công việc sau đây:

a) Phổ biến nội quy phiên họp;

b) Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập, nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thẩm phán phải giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp. Trường hợp có yêu cầu thay đổi Thẩm phán thì Thẩm phán phải xem xét; nếu có căn cứ thì tạm dừng phiên họp và báo cáo Chánh án Tòa án xem xét, quyết định. Nếu phải thay đổi Thẩm phán mà không có Thẩm phán khác thay thế thì phải hoãn phiên họp. Việc hoãn phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Pháp lệnh này;

c) Người khiếu nại, người đại diện hợp pháp của họ trình bày nội dung khiếu nại; đại diện cơ quan đề nghị trình bày nội dung kiến nghị; Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị;

d) Người bị đề nghị, người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến, tranh luận với đại diện cơ quan kiến nghị, kháng nghị về vấn đề có liên quan;

đ) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

e) Thẩm phán công bố một trong các quyết định quy định tại Điều 35 của Pháp lệnh này.

**Điều 35. Thẩm quyền của Thẩm phán giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị**

1. Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp huyện.

2. Chấp nhận một phần khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; sửa quyết định của Tòa án cấp huyện về thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Hủy quyết định không chấp nhận áp dụng biện pháp xử lý hành chính vi phạm pháp luật của Tòa án cấp huyện; trả hồ sơ cho Tòa án cấp huyện.

4. Hủy quyết định của Tòa án cấp huyện, đình chỉ việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 15 của Pháp lệnh này.

*Khoản này được quy định chi tiết tại Điều 10 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

**Điều 10. Về việc hủy quyết định của Tòa án cấp huyện, đình chỉ việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 4 Điều 35 của Pháp lệnh**

Trường hợp Thẩm phán hủy quyết định của

Tòa án cấp huyện, đình chỉ việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 15 của Pháp lệnh thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm trả lại hồ sơ đề nghị cho cơ quan đề nghị.

5. Hủy quyết định hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án cấp huyện và buộc chấp hành biện pháp xử lý hành chính khi không có căn cứ quy định tại Điều 111 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Hủy quyết định không chấp nhận việc hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án cấp huyện và chấp nhận đề nghị cho hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có căn cứ quy định tại Điều 111 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Hủy quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án cấp huyện khi quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại không đúng với quy định tại Điều 112 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 của Pháp lệnh này.

8. Hủy quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, hoặc miễn chấp hành phần

thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án cấp huyện và quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại khi có căn cứ quy định tại Điều 112 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 của Pháp lệnh này.

9. Đình chỉ việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị khi người khiếu nại, cơ quan kiến nghị, kháng nghị rút toàn bộ khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; trong trường hợp này, quyết định của Tòa án cấp huyện có hiệu lực thi hành.

**Điều 36. Nội dung và hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị**

1. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

- a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;
- b) Tên Tòa án ra quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;
- c) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;
- d) Họ và tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp;
- đ) Họ và tên người khiếu nại;
- e) Tên cơ quan kiến nghị, Viện kiểm sát kháng nghị;
- g) Nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;
- h) Lý do, căn cứ và nội dung của việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

---

1. Xem Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

i) Hiệu lực của quyết định;

k) Nơi nhận quyết định.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành ngay.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định, Tòa án phải gửi cho những người được quy định tại Điều 24 của Pháp lệnh này và Tòa án đã ra quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và các tài liệu, văn bản do Tòa án thu thập, ban hành trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị phải được đánh số bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>.

## *Mục 2*

### KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI HÀNH VI CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

#### **Điều 37. Hành vi có thể bị khiếu nại trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại hành vi của Chánh án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án

---

1. Xem Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

trong việc giao, nhận hồ sơ, thụ lý, phân công Thẩm phán, yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ, gửi quyết định của Tòa án, mở phiên họp, thành phần phiên họp, thời hạn giải quyết và hành vi khác trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Khiếu nại hành vi khác không liên quan đến việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án thì được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại hoặc khiếu nại thông qua người đại diện hợp pháp;

b) Khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết khiếu nại;

d) Được nhận văn bản trả lời về việc thụ lý để giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

đ) Được khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

### **Điều 39. Quyền, nghĩa vụ của người bị khiếu nại**

1. Người bị khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Đưa ra bằng chứng về tính hợp pháp của hành vi bị khiếu nại;

b) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại về hành vi bị khiếu nại.

2. Người bị khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Giải trình về hành vi bị khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi người có thẩm quyền yêu cầu;

b) Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;

c) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

### **Điều 40. Thời hạn khiếu nại**

Thời hạn khiếu nại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, cơ quan, tổ chức khiếu nại biết được và cho rằng hành vi của người có thẩm quyền vi phạm pháp luật.



Trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà cá nhân, cơ quan, tổ chức khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn quy định tại Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

#### **Điều 41. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại**

1. Khiếu nại hành vi của Thẩm phán, Thư ký Tòa án do Chánh án Tòa án cấp huyện giải quyết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Tòa án cấp tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chánh án Tòa án cấp tỉnh phải xem xét, giải quyết. Quyết định của Chánh án Tòa án cấp tỉnh là quyết định cuối cùng.

Khiếu nại hành vi của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Chánh án Tòa án cấp tỉnh là quyết định cuối cùng.

2. Khiếu nại hành vi của Chánh án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án cấp tỉnh do Chánh án Tòa án cấp tỉnh giải quyết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chánh án Tòa án cấp tỉnh phải xem xét, giải quyết. Quyết định của Chánh án Tòa án cấp tỉnh là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã khiếu nại và Viện kiểm sát cùng cấp.

### *Chương V*

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 42. Hiệu lực thi hành**

1. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã lập hồ sơ để xem xét hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại nếu đến ngày Pháp lệnh này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì áp dụng quy định của Pháp lệnh này.

### *Chương IV*

## **THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

**Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành**

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp

dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

*Điều này được quy định cụ thể tại Điều 24 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 như sau:*

#### **Điều 24. Việc gửi quyết định của Tòa án**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định, Tòa án phải gửi quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính cho người được quy định tại Điều 107 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định, Tòa án phải gửi quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cho cơ quan đề nghị, người bị đề nghị, những người có liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp.

#### **Điều 108. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,

phường, thị trấn và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

*Khoản này được quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP như sau:*

3. Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành thì thời hiệu thi hành được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

2. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

### **Điều 109. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn<sup>1</sup>**

1. Sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp

---

1. Xem một số biểu mẫu liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 42/2014/TT-BCA.

giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục;

b) Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục;

c) Ghi sổ theo dõi và định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

d) Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tìm kiếm việc làm.

2. Người được phân công giúp đỡ phải có kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục và được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ theo quy định của pháp luật.

3. Người được giáo dục phải cam kết bằng văn bản về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Gia đình có người được giáo dục có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với người được phân công giúp đỡ trong việc quản lý, giáo dục người được giáo dục.

*Điều này được quy định chi tiết tại Điều 8 và các điều từ 25 đến 36 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)<sup>1</sup>:*

---

1. Đối với việc thi hành quyết định quản lý tại gia đình, xem các điều 39, 40, 41 của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP).

## **Điều 8. Kinh phí cho việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong quá trình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm: xác định tình trạng nghiện; kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ; tổ chức cuộc họp tư vấn; hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người được giáo dục; chuyển giao đối tượng về nơi cư trú và đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em; các chi phí cho người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em và các chi phí cần thiết khác.

2. Kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm và hỗ trợ từ nguồn kinh phí phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy, HIV/AIDS; chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

Ngân sách trung ương chỉ bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách địa phương cho hoạt động này.

3. Người được phân công giúp đỡ được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục. Mức hỗ trợ một tháng tối thiểu là 25% mức lương cơ sở đối với mỗi người được giáo dục. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định mức hỗ trợ cao hơn.

## **Điều 25. Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em được giao quản lý, giáo dục phân công một người trực tiếp quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

Việc phân công phải được quyết định bằng văn bản, ghi rõ tên người được phân công giúp đỡ, trách nhiệm thực hiện và kinh phí được hỗ trợ. Quyết định được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Người được phân công giúp đỡ phải là cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên trẻ em, người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư hoặc người có kinh nghiệm quản lý, giáo dục người chưa thành niên trong cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em. Những người này phải có điều kiện, năng lực và kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

3. Một người có thể được phân công quản lý, giáo dục, giúp đỡ nhiều người nhưng không quá 03 người cùng một lúc.

## **Điều 26. Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục**

1. Người được phân công giúp đỡ phải xây dựng kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

2. Nội dung kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ được xây dựng trên cơ sở nội dung và hình thức giáo dục quy định tại Điều 27 của Nghị định này, gồm các biện pháp cụ thể để giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ người được giáo dục, thời gian thực hiện, việc phối hợp với gia đình và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Trường hợp người được giáo dục là người nghiện ma túy, thì nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ việc phối hợp với gia đình người nghiện ma túy và tổ công tác cai nghiện ma túy hoặc cơ sở điều trị nghiện trong việc thực hiện kế hoạch cai nghiện.

Trường hợp người chưa thành niên ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em, nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức xã hội liên quan tại địa phương. Cơ quan, tổ chức xã hội liên quan tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở để cùng quản lý, giáo dục người được giáo dục.

Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ phải có ý kiến của người đứng đầu tổ chức được giao giáo dục.

3. Trường hợp người được phân công giúp đỡ không còn điều kiện giúp đỡ hoặc không hoàn thành trách nhiệm được giao, thì tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục phải kịp thời phân công người khác thay thế và phải thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.



## **Điều 27. Nội dung và hình thức giáo dục**

1. Việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của người được giáo dục.

Đối với người nghiện ma túy, cần phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy; về tác hại của việc tiêm chích, sử dụng ma túy đối với sức khỏe, gia đình và cộng đồng, phòng tránh HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua tiêm chích ma túy; về chương trình cai nghiện và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

b) Giáo dục về kỹ năng sống, hướng nghiệp, dạy nghề cho người được giáo dục;

c) Giáo dục về truyền thống tốt đẹp của đất nước, quê hương.

2. Việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn có thể được thực hiện bằng các hình thức cơ bản sau đây:

a) Gặp gỡ trực tiếp gia đình, người được giáo dục;

b) Giới thiệu tham gia các lớp học về kỹ năng sống, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm;

c) Thông báo bằng văn bản về gia đình, người được giáo dục về các biện pháp quản lý, giáo dục;

d) Tổ chức cuộc họp góp ý tại địa bàn dân cư ở cơ sở. Trường hợp người được giáo dục là người chưa thành niên thì không tổ chức cuộc họp góp ý.

### **Điều 28. Cam kết của người được giáo dục**

1. Người được giáo dục gửi bản cam kết về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục và phải nghiêm chỉnh thực hiện cam kết của mình.

2. Nội dung cam kết gồm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nghiêm túc sửa chữa sai phạm;

b) Thực hiện tốt nghĩa vụ học tập, tu dưỡng, rèn luyện;

c) Tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề phù hợp;

d) Tham gia lao động với hình thức phù hợp;

đ) Tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

e) Đối với người nghiện ma túy, phải có nội dung cam kết tham gia chương trình cai nghiện ma túy đã đăng ký.

3. Cam kết của người chưa thành niên phải có ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

### **Điều 29. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức và người được phân công giúp đỡ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị dân cư cơ sở và gia đình trong việc theo dõi, quản lý, giám sát và phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật của người được giáo dục.

2. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối với người được giáo dục là người chưa thành niên được thực hiện như sau:

a) Đối với người được giáo dục là người chưa thành niên đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục, người được phân công giúp đỡ và nhà trường cùng có trách nhiệm phối hợp với gia đình người chưa thành niên động viên, giúp đỡ họ học tập, rèn luyện;

b) Người chưa thành niên ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em được tạo điều kiện tiếp tục tham gia các chương trình học tập phù hợp với lứa tuổi; các lớp học về kỹ năng sống, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề tại cộng đồng.

3. Đối với người được giáo dục là người nghiện ma túy, người được phân công giúp đỡ có trách nhiệm phối hợp với gia đình người nghiện ma túy, tổ công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng, cơ sở điều trị nghiện, đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tạo điều kiện để người nghiện ma túy tham gia các hoạt động điều trị nghiện, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này, trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người được giáo dục không tiến bộ, vi phạm cam kết và đã được người được phân công giúp đỡ nhắc nhở nhiều lần mà vẫn không chịu sửa chữa, thì tổ chức được giao quản lý, giáo dục báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cuộc họp tại

cơ sở để góp ý đối với người được giáo dục. Thành viên, nội dung cuộc họp gồm:

a) Thành viên cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng Công an cấp xã; công chức tư pháp - hộ tịch; người được phân công giúp đỡ và đại diện của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục; đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã và đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở. Người được giáo dục, gia đình của người được giáo dục phải được mời tham dự cuộc họp. Trường hợp người được giáo dục không thể tham dự được mà có lý do chính đáng thì phải hoãn cuộc họp. Số lần hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp người được giáo dục không thể tham dự được cuộc họp góp ý mà có lý do chính đáng, đã hoãn 02 lần hoặc cố tình trốn tránh không tham dự thì vẫn tiếp tục tổ chức cuộc họp góp ý.

Trường hợp người được giáo dục là người nghiện ma túy, ngoài những thành phần nêu trên còn phải có công chức văn hóa - xã hội, đại diện tổ công tác cai nghiện ma túy hoặc cơ sở điều trị nghiện.

b) Nội dung cuộc họp:

Người được phân công giúp đỡ báo cáo về quá trình quản lý, giáo dục và các vi phạm của người được giáo dục trong thời gian quản lý và đề xuất bổ sung, thay đổi biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ phù hợp. Người được giáo dục trình bày nguyên nhân vi phạm

cam kết và phương hướng khắc phục, đề xuất giúp đỡ nếu cần thiết. Trên cơ sở báo cáo của người được phân công giúp đỡ và trình bày của người được giáo dục, các thành viên tham gia cuộc họp phân tích, góp ý về những sai phạm của người được giáo dục, giúp đỡ người đó sửa chữa để tiến bộ; thảo luận và đưa ra biện pháp giáo dục đối với đối tượng.

Cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi cho người được giáo dục và gia đình của họ.

4a. Trường hợp người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất 1/2 thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 35a của Nghị định này.

5. Người được phân công giúp đỡ ghi sổ theo dõi sự tiến bộ của người được giáo dục để báo cáo tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Định kỳ hàng tháng, tổ chức được giao quản lý, giáo dục có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ban hành quyết định về kết quả giám sát, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

### **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của người được phân công giúp đỡ**

1. Người được phân công giúp đỡ có các quyền sau đây:

a) Gặp gỡ người được giáo dục, cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và những người có

liên quan để động viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn của người được giáo dục để tìm biện pháp giúp đỡ;

b) Yêu cầu người được giáo dục báo cáo về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, sửa chữa sai phạm;

c) Đề xuất với tổ chức được giao quản lý, giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để quản lý, giáo dục người được giáo dục;

d) Đề nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạo điều kiện cho người được giáo dục tham gia học tập, tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống;

đ) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

e) Hưởng kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định này.

2. Người được phân công giúp đỡ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan khác và gia đình của người được giáo dục trong việc quản lý, giáo dục đối tượng và giúp đỡ họ trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với người được giáo dục là người chưa thành niên, người được phân công giúp đỡ phải phối hợp chặt

chê với gia đình, nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh để người chưa thành niên tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lao động, thể dục thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh khác;

c) Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tham gia học tập, tìm kiếm việc làm;

d) Hỗ trợ, giới thiệu người được giáo dục tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực hiện quyền, nghĩa vụ của người được giáo dục;

e) Ghi sổ theo dõi và định kỳ hàng tháng báo cáo tổ chức được giao quản lý, giáo dục; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

g) Trường hợp người được giáo dục có tiến bộ rõ rệt, thì làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận đơn đề nghị miễn của người được giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định này.

### **Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của người được giáo dục**

1. Trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người được giáo dục có các quyền sau đây:

a) Được lao động, học tập, sinh hoạt tại nơi cư trú, được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, tạm trú;

b) Được tạo điều kiện tìm việc làm; được xem xét hỗ trợ cho vay vốn từ các ngân hàng chính sách xã hội, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nhân đạo ở địa phương trong trường hợp là người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

c) Được tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

d) Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an cấp xã, tổ chức xã hội, nhà trường và người được phân công giúp đỡ;

đ) Được vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Nghị định này;

e) Có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các hành vi vi phạm trong quá trình thi hành quyết định.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người được giáo dục có các nghĩa vụ sau đây:



a) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của địa phương nơi cư trú;

b) Chịu sự quản lý, giáo dục của cơ quan và tổ chức xã hội và người được phân công giúp đỡ; người chưa thành niên còn phải chịu sự quản lý, giáo dục, giám sát của gia đình và nhà trường;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung đã cam kết;

d) Phải có mặt khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu;

đ) Hàng tháng phải báo cáo bằng văn bản với người được phân công giúp đỡ về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, tu dưỡng, kết quả sửa chữa sai phạm và sự tiến bộ của mình.

### **Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em**

1. Tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; tiếp nhận người chưa thành niên không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định này hoặc đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nguyện vọng ở lại cơ sở.

2. Cử đại diện tham gia cuộc họp tư vấn.

3. Phân công cán bộ trực tiếp giúp đỡ người chưa thành niên.

4. Tạo điều kiện cho người chưa thành niên được đi học, tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại cộng đồng trong việc quản lý, giáo dục người chưa thành niên.

6. Tổ chức quản lý người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ sở.

**Điều 33. Việc đi lại, vắng mặt của người được giáo dục tại nơi cư trú**

1. Người được giáo dục có thể được vắng mặt tại nơi cư trú, nếu có lý do chính đáng và phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời hạn áp dụng biện pháp này và phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú dưới 15 ngày, thì phải thông báo với người được phân công giúp đỡ về lý do, thời gian vắng mặt tại nơi cư trú và nơi đến tạm trú.

Người được phân công giúp đỡ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo

dục cư trú về việc người được giáo dục vắng mặt tại nơi cư trú;

b) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ 15 ngày đến 30 ngày, người được giáo dục hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người được giáo dục là người dưới 16 tuổi phải làm đơn xin phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó ghi rõ lý do, thời gian vắng mặt, nơi đến tạm trú. Người được phân công giúp đỡ phải có ý kiến trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định ngay sau khi nhận được đơn; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

2. Thời gian người được giáo dục vắng mặt tại nơi cư trú mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

*Điều này được quy định chi tiết tại Điều 7 Thông tư số 48/2014/TT-BCA như sau:*

**Điều 7. Việc đi lại, vắng mặt của người được giáo dục tại nơi cư trú**

1. Người được giáo dục có thể được vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải thực hiện việc khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành biện

pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nhưng tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời hạn áp dụng biện pháp này, trừ trường hợp người được giáo dục bị đau, ốm phải điều trị tại các cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được giáo dục có trách nhiệm trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú. Khi hết thời hạn tạm trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú về thời gian tạm trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến tạm trú.

3. Nếu người được giáo dục vắng mặt tại nơi cư trú mà không báo cáo, không được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, không trình báo với Công an cấp xã nơi đến tạm trú, hết thời hạn tạm trú mà không được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi đến tạm trú, trong thời gian tạm trú mà vi phạm pháp luật thì thời gian vắng mặt đó không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong trường hợp này, Trưởng Công an cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định gia hạn thời gian chấp hành đối với người được giáo dục cho đến khi chấp hành đủ thời gian theo quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

### **Điều 34. Việc thay đổi nơi cư trú của người được giáo dục**

1. Trường hợp người được giáo dục thay đổi nơi đăng ký thường trú, đi học tập, có việc làm ổn định hoặc theo gia đình chuyển đến địa phương khác hoặc có các lý do tương tự, thì người được giáo dục hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người được giáo dục là người dưới 16 tuổi phải làm đơn xin phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó ghi rõ lý do, nơi đến thường trú hoặc tạm trú. Đơn đề nghị phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

2. Trong thời gian người chưa thành niên chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em, nếu xác minh được nơi cư trú của họ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đóng trụ sở xem xét, quyết định việc chuyển đổi tượng về nơi cư trú.

3. Khi người được giáo dục thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú. Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú có trách nhiệm tiếp nhận và phân công cơ quan, tổ chức quản lý, giáo dục.

4. Khi thay đổi nơi cư trú, người được giáo dục phải thực hiện quy định của pháp luật về cư trú.

**Điều 35. Xử lý trường hợp người đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

2. Trường hợp có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội thì người đó phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định tạm đình

chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà mình đã ban hành.

3. Trường hợp người đó bị Tòa án xử phạt tù thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Trường hợp bị Tòa án xử phạt không phải là hình phạt tù, thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Điều 35a. Xử lý trường hợp người đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm**

Người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất 1/2 thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn xử lý như sau:

1. Nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định

áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Điều 36. Miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Người được giáo dục đã chấp hành một nửa thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu có tiến bộ rõ rệt, thì làm đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định.

Đơn đề nghị phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, thời hạn giáo dục, thời gian đã chấp hành quyết định và phải có xác nhận của người được phân công giúp đỡ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của người được giáo dục hoặc văn bản đề nghị của người được phân công giúp đỡ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết



định giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trường hợp không đồng ý, thì phải nêu rõ lý do.

3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và phải được gửi đến người có đơn đề nghị; cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục; người được phân công giúp đỡ.

*Điều này được quy định chi tiết tại Điều 8 Thông tư số 48/2014/TT-BCA như sau:*

**Điều 8. Miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Ngay sau khi nhận được đơn đề nghị miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của người được giáo dục hoặc văn bản đề nghị của người được phân công giúp đỡ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển ngay đề nghị đó đến Trưởng Công an cấp xã. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản kết quả giáo dục của người được giáo dục; lấy ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời, đề xuất ý kiến của mình bằng văn bản về việc miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục.

2. Trưởng Công an cấp xã tập hợp các ý kiến tham gia về việc miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường,

thị trấn đối với người được giáo dục và chuyển toàn bộ ý kiến đó đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. Trường hợp đồng ý miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người được giáo dục, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đồng thời, cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho người được giáo dục; lưu hồ sơ, gửi bản sao các văn bản này cho cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục người được giáo dục và gia đình người được giáo dục biết. Trường hợp không đồng ý miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người được giáo dục, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**Điều 110. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có trách nhiệm tổ chức thi hành như sau:

a) Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*Khoản này được quy định chi tiết tại Điều 2 Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP như sau:*

**Điều 2. Về tính thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 110 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì: *“thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”*; do đó, thời gian cơ quan Công an tạm giữ người phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính sau khi có quyết định của Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc<sup>1</sup>.

---

1. Xem một số biểu mẫu liên quan đến biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCA.

*Việc thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định chi tiết tại các điều 5, 6, 7, 12, 27 của Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau<sup>1</sup>:*

**Điều 5. Điều kiện bảo đảm cho việc áp dụng, thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Kinh phí bảo đảm cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, tổ chức hoạt động của trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; kinh phí lập hồ sơ, tổ chức đưa người vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; truy tìm đối tượng bỏ trốn; tổ chức cai nghiện ma túy; điều trị cho học sinh, trại viên bị nhiễm HIV/AIDS; kinh phí bảo đảm ăn, mặc, ở, học tập, học nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng bệnh, khám, chữa bệnh của học sinh, trại viên; kinh phí tổ chức đưa học sinh dưới 16 tuổi, học sinh, trại viên bị ốm khi chấp hành xong quyết định về địa phương mà không có thân nhân đến đón và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc áp dụng, thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc do ngân sách trung ương bảo đảm và được dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an.

---

1. Xem thêm Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT; Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT; Thông tư số 20/2015/TT-BCA; Thông tư số 21/2015/TT-BCA.

2. Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc được trực tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất, chuyên môn, kỹ thuật của Ủy ban nhân dân địa phương, các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước; được tham gia hợp đồng, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc sử dụng vào việc dạy văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ học tập, sinh hoạt, khám, chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy cho người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc.

**Điều 6. Cưỡng chế thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc**

Người phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc nếu không tự giác chấp hành quyết định hoặc chống đối thì cơ quan Công an có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an để buộc người đó phải chấp hành. Trường hợp hành vi chống đối có dấu hiệu của tội phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 7. Truy tìm người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc mà bỏ trốn**

1. Người đã có quyết định đưa vào trường giáo

duỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc chưa thi hành quyết định tại trường giáo duỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc mà bỏ trốn thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đã lập hồ sơ ra quyết định truy tìm.

2. Học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo duỡng ra quyết định truy tìm; trại viên bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ra quyết định truy tìm. Thời gian trốn khỏi trường giáo duỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc không được tính vào thời gian chấp hành quyết định.

3. Cơ quan đã ra quyết định truy tìm có trách nhiệm tổ chức truy tìm đối tượng bỏ trốn; nếu đối tượng có hành vi chống đối thì được áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để buộc người đó phải chấp hành.

4. Ủy ban nhân dân và cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp, giúp các cơ quan nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong việc truy tìm đối tượng bỏ trốn.

Khi phát hiện đối tượng có quyết định truy tìm, mọi người có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc đưa ngay đối tượng đến cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất để đưa đối tượng đến cơ quan Công an cấp huyện.

5. Khi nhận đối tượng, cơ quan Công an phải lập biên bản, lấy lời khai của người đó, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy tìm biết để đến nhận đối tượng.

Khi nhận được thông báo, cơ quan đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận, đưa người đó về trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc. Khi giao, nhận đối tượng phải lập biên bản. Việc đưa đối tượng về trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về áp giải người theo thủ tục hành chính.

6. Đối với người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, nhưng chưa chấp hành mà bỏ trốn, nếu khi truy tìm được mà người đó đủ 18 tuổi trở lên thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng đóng trụ sở chính xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Đối với học sinh đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng bỏ trốn, nếu khi truy tìm được mà người đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng đóng trụ sở chính xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định vào trường giáo dưỡng**

1. Khi đưa người vào trường giáo dưỡng phải có hồ sơ kèm theo. Hồ sơ gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

b) Bản tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

c) Danh, chỉ bản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

d) Bản sao các quyết định giáo dục đã áp dụng (nếu có);

đ) Quyết định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp này (nếu có);

e) Tài liệu khác liên quan đến nhân thân của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (nếu có).

2. Khi giao, nhận người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng phải lập biên bản. Trường giáo dưỡng phải đối chiếu, kiểm tra người được giao, nhận với hồ sơ và lập biên bản ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe hiện tại của người được giao, nhận; tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo và những vấn đề khác có liên quan đến việc giao, nhận.

### **Điều 27. Hồ sơ, thủ tục đưa người đã có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Khi đưa người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải có hồ sơ kèm theo. Hồ sơ gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;



b) Quyết định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời gian làm thủ tục (nếu có);

c) Bản tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

d) Bản sao các quyết định giáo dục đã áp dụng (nếu có);

đ) Danh, chỉ bản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

e) Tài liệu cần thiết khác liên quan đến nhân thân của người phải chấp hành quyết định và để phục vụ cho việc quản lý, giáo dục người đó (nếu có).

2. Khi tiếp nhận người có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải đối chiếu, kiểm tra người được giao, nhận với hồ sơ, chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân khác của người đó và lập biên bản giao, nhận, ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe hiện tại của người được giao, nhận; tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo và những vấn đề khác liên quan đến việc giao, nhận.

*Việc thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định chi tiết tại các điều 15 đến 17, 21 đến 30, 32 đến 35 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) như sau<sup>1</sup>:*

---

1. Xem thêm Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH.

**Điều 15. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người đi thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Việc đưa người chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được lập thành biên bản, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, ấp, bản hoặc tương đương nơi người phải chấp hành quyết định cư trú. Biên bản được lập thành 03 bản, một bản gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định, một bản gửi cơ quan lập hồ sơ và một bản lưu tại cơ quan công an cấp huyện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 16. Thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Khi tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc phải kiểm tra đối chiếu người, giấy chứng minh nhân dân (nếu có) hoặc dấu vân tay với các thông tin trong hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này để bảo đảm đúng người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và lập biên bản giao nhận người, biên bản ghi rõ tình trạng

sức khỏe của người đó, tài liệu, hồ sơ, tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để lưu hồ sơ và 01 bản gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định.

2. Hồ sơ tiếp nhận người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm:

a) Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Bản sao biên bản đưa người thi hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan Công an cấp huyện cung cấp;

c) Bản sao tóm tắt lý lịch của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan lập hồ sơ cung cấp.

3. Bộ phận Y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và lập hồ sơ bệnh án của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để theo dõi, quản lý; điều trị thích hợp.

### **Điều 17. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn**

1. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm.

2. Trường hợp người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở cai nghiện

bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp tìm được người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn mà không tự nguyện chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì bị áp giải đưa trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất.

4. Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Điều 21. Giải quyết trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trong thời gian đang chấp hành quyết định, nếu học viên bị chết thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan y tế gần nhất để lập biên bản xác nhận nguyên nhân chết. Việc lập biên bản phải có học viên làm chứng. Trong trường hợp cần thiết thì trưng cầu giám định pháp y.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo ngay cho thân nhân học viên chết biết để mai táng. Trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng.

## **Điều 22. Quản lý học viên**

1. Học viên được bố trí chỗ ở, sinh hoạt theo tổ, đội và phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Căn cứ nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc, hàng tháng, quý, các tổ, đội tổ chức sinh hoạt để đánh giá kết quả rèn luyện, học tập, lao động của từng học viên và bình bầu, xếp loại theo 04 mức: tốt, khá, trung bình và yếu.

3. Tiêu chí xếp loại học viên do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng và ban hành. Học viên phải được tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chí xếp loại học viên.

4. Thứ bảy tuần cuối cùng của mỗi tháng, các tổ, đội tiến hành họp bình xét, xếp loại cho từng thành viên. Căn cứ vào tiêu chí xếp loại học viên, từng học viên tự đánh giá xếp loại cho mình, các thành viên khác nhận xét và biểu quyết thông qua. Kết quả bình xét được thông qua khi có ít nhất 2/3 số người dự họp đồng ý. Việc bình xét phải được lập thành biên bản có chữ ký của Tổ trưởng hoặc Đội trưởng và cán bộ phụ trách.

5. Kết quả xếp loại học viên được thông báo công khai trên phương tiện thông tin của cơ sở cai nghiện bắt buộc trong 03 ngày tuần đầu của tháng tiếp theo để lấy ý kiến rộng rãi. Nếu không có ý kiến khiếu nại, Tổ trưởng gửi kết quả xếp loại về Phòng quản lý học viên để ghi vào Phiếu theo dõi đánh giá, xếp loại học viên trong bộ hồ sơ quản lý học viên.

6. Trường hợp có khiếu nại về kết quả xếp loại học viên, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cán bộ phụ trách tổ, đội có học viên được xếp loại triệu tập họp tổ, đội để xem xét. Việc xem xét được lập thành biên bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc để quyết định.

7. Học viên có thời gian cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc từ đủ ba tuần trở lên được xếp loại theo tháng; nếu từ đủ hai tháng trở lên được xếp loại theo quý. Việc xếp loại được thực hiện theo hướng dẫn tiêu chí xếp loại học viên.

### **Điều 23. Chế độ cai nghiện, chăm sóc sức khỏe**

1. Học viên được sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện để xây dựng và thực hiện kế hoạch cai nghiện phù hợp. Học viên được tư vấn, được tham gia sinh hoạt nhóm nhằm giúp họ thay đổi hành vi, nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết tình huống gặp phải trong quá trình cai nghiện và kỹ năng phòng chống tái nghiện.

2. Học viên được điều trị cắt cơn, giải độc; điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ

hội. Việc điều trị phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Học viên được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và định kỳ 06 tháng được khám, kiểm tra sức khỏe. Việc khám sức khỏe định kỳ phải được lập thành phiếu khám sức khỏe và được lưu trong hồ sơ theo dõi sức khỏe.

4. Học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được chuyển tới cơ sở y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc. Chi phí điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bản thân học viên hoặc gia đình học viên tự thanh toán.

Trường hợp học viên có bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Trường hợp học viên không có bảo hiểm y tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc hỗ trợ đối với học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo. Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng tương ứng. Trường hợp học viên không thuộc đối tượng này nhưng không còn thân nhân, cơ sở cai nghiện bắt buộc hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

## **Điều 24. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt**

1. Định mức tiền ăn hàng tháng của học viên là 0,8 mức lương cơ sở. Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ hàng năm của học viên là 0,9 mức lương cơ sở.

3. Cơ sở cai nghiện bắt buộc tổ chức tiếp sóng các chương trình thời sự trên hệ thống truyền thanh, truyền hình để học viên được tiếp cận các thông tin cần thiết hàng ngày; tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động. Căn cứ quy mô và điều kiện, cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng tủ sách và phòng đọc cho học viên, định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức giao lưu văn nghệ giữa các tổ, đội.

3a. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn định mức tại khoản 1, khoản 2 Điều này.



## **Điều 25. Chế độ học văn hóa**

1. Học viên được tham gia các lớp học văn hóa phù hợp với trình độ của mình. Căn cứ vào khả năng và điều kiện thực tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc tổ chức dạy văn hóa theo quy định của pháp luật. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức các lớp học xóa mù chữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo tại địa phương tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, tuyển chọn học sinh giỏi và cấp văn bằng chứng chỉ học văn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học văn hóa ở cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Điều 26. Chế độ học nghề**

1. Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp thì được tham gia học nghề.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện hoạt động dạy nghề khi có đủ các điều kiện cần thiết về diện tích phòng học, diện tích nhà xưởng, thiết bị dạy nghề, đội ngũ giáo viên, chương trình, giáo trình và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

3. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện dạy nghề nêu trên, cơ sở cai nghiện bắt buộc được phép tổ chức liên kết đào tạo với các trường dạy nghề, các cơ sở

dạy nghề khác tại địa phương. Hình thức liên kết và nội dung dạy nghề phải bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về dạy nghề.

### **Điều 27. Chế độ lao động**

1. Lao động trị liệu đối với học viên tại cơ sở cai nghiện nhằm mục đích trị liệu, giúp học viên nhận thức được giá trị của lao động, rèn luyện tay nghề và phục hồi kỹ năng lao động đã bị suy giảm do nghiện ma túy.

2. Học viên được nghỉ lao động trị liệu trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Thời gian lao động trị liệu của học viên không quá 04 giờ/ngày. Không tổ chức lao động trị liệu cho học viên trong thời gian cắt cơn giải độc.

3. Học viên tham gia lao động trị liệu được phân công công việc phù hợp với sức khỏe, độ tuổi và giới tính.

4. Học viên có nhu cầu và tự nguyện lao động để có thu nhập thì cơ sở cai nghiện tổ chức cho học viên lao động, việc tổ chức lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.

5. Học viên tham gia lao động trị liệu, lao động tự nguyện được hưởng thành quả lao động phù hợp với kết quả lao động của họ.

### **Điều 28. Chế độ thăm, gặp thân nhân**

1. Học viên được quyền thăm gặp thân nhân tại phòng thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc, một

tuần một lần, mỗi lần không quá 02 giờ và tối đa không quá 03 thân nhân. Trường hợp gặp lâu hơn phải được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đồng ý và tối đa không quá 04 giờ. Học viên có vợ hoặc chồng, được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, cho phép thăm gặp tại phòng riêng của cơ sở cai nghiện bắt buộc một lần trong tháng và tối đa không quá 48 giờ cho một lần gặp. Căn cứ quy mô và điều kiện thực tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng phòng để học viên gặp gia đình.

2. Việc tổ chức thăm, gặp thân nhân được thực hiện theo quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quy chế thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 29. Giải quyết chế độ chịu tang**

1. Khi có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con chết thì học viên được phép về để chịu tang. Thời gian về chịu tang tối đa không quá 05 ngày, không kể thời gian đi đường và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

2. Gia đình học viên phải làm đơn đề nghị cho học viên về chịu tang, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú, gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nội dung đơn phải nêu rõ họ tên, số chứng minh nhân dân, nơi cư trú, mối quan hệ với học viên, thời gian đề nghị cho học viên được về chịu tang và cam kết quản lý, giám sát không để học viên sử

dụng ma túy trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong thời gian về chịu tang. Gia đình học viên có trách nhiệm đón học viên về và bàn giao học viên lại cho cơ sở cai nghiện bắt buộc khi hết thời gian chịu tang, mọi chi phí đưa đón học viên do gia đình học viên chi trả.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đơn, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cho học viên về chịu tang. Quyết định cho về phải được lập bằng văn bản, nêu rõ thời gian được về, trách nhiệm của gia đình trong việc đón, đưa và quản lý học viên trong thời gian về chịu tang. Quyết định được lập thành 03 bản: 01 bản gửi cho gia đình học viên, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để phối hợp quản lý và 01 bản lưu trong hồ sơ học viên.

4. Việc giao và nhận học viên giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với gia đình phải được lập thành biên bản ghi rõ họ tên học viên, thời gian, họ tên người giao, họ tên người nhận, biên bản lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản.

5. Hết thời hạn ghi trong quyết định tại khoản 3 Điều này, học viên quay trở lại thì cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thực hiện kiểm tra sức khỏe đối với học viên đó để có các can thiệp phù hợp. Trường hợp học viên không trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 30. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng**

1. Trước khi hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 03 tháng, cán bộ tư vấn hướng dẫn học viên chuẩn bị xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trước khi hết thời hạn chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 45 ngày, cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi thông báo về việc học viên chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú và kèm theo các nhu cầu của học viên cần sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng để xây dựng và thực hiện kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng khi học viên trở về địa phương.

3. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tư vấn cho học viên về việc tái hòa nhập cộng đồng: các chế độ, các dịch vụ y tế liên quan đến cai nghiện ma túy và dự phòng lây nhiễm HIV; hỗ trợ tạo việc làm; các Câu lạc bộ sau cai, Tổ công tác cai nghiện, Đội công tác xã hội tình nguyện, Nhóm tự lực tại địa phương nơi học viên cư trú.

### **Điều 32. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc tổ chức thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen, khen thưởng.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, học viên có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng bằng một trong các hình thức sau:

- a) Biểu dương khen thưởng;
- b) Đề nghị giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, học viên vi phạm quy chế, nội quy của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

- a) Phê bình;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giáo dục tại phòng kỷ luật.

4. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### *Chương IV*

### **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

**Điều 33. Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Cơ sở cai nghiện bắt buộc thành lập theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012

của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc được thành lập theo địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc phù hợp quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Địa phương có ít người nghiện ma túy có thể gửi đối tượng đến cơ sở cai nghiện bắt buộc của địa phương khác trên cơ sở thống nhất giữa hai địa phương.

### **Điều 34. Nhiệm vụ của cơ sở cai nghiện bắt buộc**

Cơ sở cai nghiện bắt buộc có nhiệm vụ:

1. Tổ chức chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh, điều trị cắt cơn nghiện ma túy, điều trị các rối loạn về thể chất và tâm thần cho học viên. Việc khám và điều trị thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên.

3. Tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng, chống tái

nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên.

4. Tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề, lao động phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của mỗi học viên và khả năng, điều kiện thực tế của cơ sở.

5. Bố trí địa điểm và thời gian cho học viên tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giao lưu văn nghệ và các hoạt động vui chơi giải trí khác.

6. Xây dựng tủ sách và phòng đọc, tạo điều kiện để học viên đọc sách báo xem truyền hình để cập nhật thông tin, nâng cao hiểu biết và kỹ năng sống.

7. Phối hợp xây dựng mô hình, quy trình chữa trị, cai nghiện, phục hồi; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức và nhân viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định; giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

9. Tổ chức khu vực dành riêng cho học viên là phụ nữ, học viên mắc bệnh truyền nhiễm.

**Điều 35. Phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo đảm an ninh trật tự và khám chữa bệnh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Khi có vấn đề phức tạp về y tế, an ninh trật tự phát sinh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an cấp tỉnh cử cán



bộ hỗ trợ cơ sở cai nghiện bắt buộc để xử lý, giải quyết. Trường hợp cơ quan được đề nghị không cử cán bộ hỗ trợ, thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cán bộ được cử hỗ trợ cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự chỉ đạo và phân công của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Điều 111. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- a) Đang ốm nặng<sup>1</sup> có chứng nhận của bệnh viện;
- b) Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận<sup>2</sup>.

---

1. Người đang ốm nặng là người đang ở trong tình trạng bị bệnh nặng đến mức không còn khả năng lao động và sinh hoạt bình thường hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và phải điều trị trong một thời gian nhất định theo chỉ định của bác sĩ mới có thể bình phục trở lại (khoản 3 Điều 3 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP).

2. Gia đình đang gặp khó khăn đặc biệt là các trường hợp người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc là người lao động duy nhất để bảo đảm cuộc sống gia đình; gia đình bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc có thân nhân bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo mà ngoài người đó ra không còn ai khác để khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn hoặc chăm sóc người bệnh (khoản 5 Điều 3 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP).

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

2. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;

b) Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật<sup>1</sup> hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;

c) Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

3. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành

---

1. Có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật là việc người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thành thật hối lỗi, tích cực lao động, học tập, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (khoản 6 Điều 3 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP).

quyết định; trường hợp người chưa thành niên được hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thì quyết định được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

*Việc hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng được quy định chi tiết tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng**

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng

Người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ thấy đủ điều kiện hoãn chấp hành quyết định thì làm đơn gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định để đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định hoãn. Hồ sơ gồm:

a) Đơn xin hoãn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng nêu rõ lý do;

b) Công văn đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định hoãn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng;

c) Văn bản của bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận về tình trạng ốm nặng của người phải chấp hành quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp xã chứng nhận về gia đình của người phải chấp hành quyết định đang có khó khăn đặc biệt.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

Người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ thấy đủ điều kiện miễn chấp hành quyết định thì làm đơn gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định để đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

a) Đơn xin miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng nêu rõ lý do;

b) Công văn đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng;

c) Một trong các giấy tờ sau:

- Văn bản của bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận về tình trạng đang mắc bệnh hiểm nghèo của người phải chấp hành quyết định;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng nhận về tình trạng không còn nghiện ma túy của người phải chấp hành quyết định;

- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận về việc có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc có giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp huyện trở lên về việc lập công;

- Văn bản của cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động;

- Văn bản của bệnh viện chứng nhận về tình trạng đang mang thai.

*Việc hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định chi tiết tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 28. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần thời gian còn lại tại cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ thấy đủ điều kiện hoãn chấp hành quyết định thì làm đơn gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định để đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định hoãn. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin hoãn chấp hành quyết định nêu rõ lý do;
  - b) Công văn đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định hoãn chấp hành quyết định;
  - c) Văn bản của bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận về tình trạng đang ốm nặng của người phải chấp hành quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chứng nhận về gia đình của người phải chấp hành quyết định đang có khó khăn đặc biệt.
2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ thấy đủ điều kiện miễn chấp hành quyết định thì làm đơn gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định để đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định miễn chấp hành quyết định. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin miễn chấp hành quyết định nêu rõ lý do;
- b) Công văn đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;
- c) Một trong các giấy tờ sau:
  - Văn bản của bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận về tình trạng đang mắc bệnh hiểm nghèo của người phải chấp hành quyết định;
  - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng nhận về tình trạng không còn nghiện ma túy của người phải chấp hành quyết định;
  - Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận về việc có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc có giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp huyện trở lên về việc lập công;
  - Văn bản của cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động;
  - Văn bản của bệnh viện chứng nhận về tình trạng đang mang thai.

*Việc hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định chi tiết tại Điều 18 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 18. Hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- a) Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- b) Gia đình có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Gia đình có khó khăn đặc biệt là gia đình gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, không có tài sản có giá trị để tạo thu nhập phục vụ sinh hoạt hoặc có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con bị ốm nặng kéo dài, không có người chăm sóc mà người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là lao động duy nhất của gia đình đó và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

2. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định theo một trong các trường hợp sau đây:

- a) Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;

b) Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;

Người tiến bộ rõ rệt là người tích cực lao động, học tập, tham gia các phong trào chung của địa phương, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Người lập công là người dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác và được Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

c) Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

3. Thủ tục đề nghị hoãn miễn chấp hành quyết định:

a) Hồ sơ đề nghị hoãn miễn bao gồm:

Đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định của người phải chấp hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

Tài liệu chứng minh thuộc diện được hoãn, miễn chấp hành quyết định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.



b) Hồ sơ đề nghị gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*Trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân hoãn hoặc miễn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được quy định cụ thể tại Điều 26 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 như sau:*

**Điều 26. Nhận, thụ lý hồ sơ đề nghị hoãn hoặc miễn áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Việc gửi đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo đơn đề nghị, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan đề nghị và Viện kiểm sát cùng cấp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định; trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản trước khi Tòa án ra quyết định.

4. Sau khi xem xét hồ sơ kèm theo đơn đề nghị, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Không chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Quyết định về việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ và tên Thẩm phán;

d) Họ và tên người có đơn đề nghị;

đ) Tên cơ quan đề nghị;

e) Căn cứ, lý do ra quyết định;

g) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

h) Nội dung việc cho hoãn hoặc cho miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

i) Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức thi hành quyết định;

k) Hiệu lực của quyết định;

l) Nơi nhận quyết định.

---

1. Xem các mẫu số 10, 11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

6. Quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 của Pháp lệnh này và phải được gửi cho người được quy định tại khoản 3 Điều 111 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 112. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

2. Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà

người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

3. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

4. Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại quy định tại khoản 2 Điều này thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

*Việc giảm, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng được quy định chi tiết tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng**

3. Thủ tục đề nghị xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng

Học sinh đã chấp hành một nửa thời hạn nếu có đủ điều kiện giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng làm hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng.

4. Thủ tục đề nghị xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng

Học sinh bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng làm hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng.

*Việc giảm, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định chi tiết tại*

*khoản 3, khoản 4 Điều 28 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 28. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định hoãn, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần thời gian còn lại tại cơ sở giáo dục bắt buộc**

3. Thủ tục đề nghị xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở giáo dục bắt buộc

Trại viên đã chấp hành một nửa thời hạn nếu có đủ điều kiện giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở giáo dục bắt buộc thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc làm hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc xem xét, quyết định giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

4. Thủ tục đề nghị xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Trại viên bị ốm nặng mà được đưa về gia đình thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc làm hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định tại cơ sở giáo dục bắt buộc.

*Việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt*

*buộc được quy định chi tiết tại Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 19. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Học viên đã chấp hành một nửa thời hạn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Học viên có tiến bộ rõ rệt là người nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện tại cơ sở, tích cực lao động, học tập, tham gia các phong trào chung của cơ sở và được Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây sau đây viết gọn là Hội đồng) công nhận.

Học viên lập công là người dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác và được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc khen thưởng; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

2. Học viên bị mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai trong thời gian chấp hành quyết định thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

3. Trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc ốm nặng có xác nhận của bệnh viện mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời gian chấp hành quyết định; sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; trong thời gian tạm đình chỉ thi hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

4. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có học viên thuộc diện được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị và tổ chức họp Hội đồng xem xét đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

5. Căn cứ danh sách học viên được đề xuất, Hội đồng xem xét, biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể và kết luận theo đa số. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

6. Trong thời hạn 02 ngày, kể từ khi nhận được Biên bản họp của Hội đồng, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập hồ sơ đề nghị gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở xem xét quyết định.



Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Danh sách học viên được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;

c) Biên bản họp Hội đồng;

d) Kết quả nhận xét, đánh giá hàng tháng của tổ, đội và bản thành tích của từng học viên được đề nghị;

đ) Giấy xác nhận của bệnh viện về tình trạng sức khỏe đối với các trường hợp ốm nặng, bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai.

7. Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định, nếu người được đề nghị có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng và làm văn bản đề nghị đưa người đó ra khỏi danh sách xem xét giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn phần thời gian còn lại gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi nhận hồ sơ. Trường hợp đã có quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn phần thời gian còn lại nhưng chưa thi hành thì đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét hủy quyết định.

*Trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân giải quyết đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý*

*hành chính còn lại được quy định cụ thể tại Điều 27  
Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13:*

**Điều 27. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại**

1. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 112 của Luật Xử lý vi phạm hành chính được Tòa án giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Đối với trường hợp giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính thì đối tượng được xét giảm đã chấp hành được một nửa thời hạn mà Tòa án quyết định và mỗi năm chỉ được xét giảm một lần với thời hạn xét giảm không quá một phần tư thời hạn mà Tòa án quyết định.

3. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải gửi văn bản đề nghị cho Tòa án nơi có trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc kèm theo tài liệu chứng minh người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 112 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các tài liệu gồm:

a) Bản sao quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công;

c) Chứng nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên về tình trạng bệnh tật đối với trường hợp người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo;

d) Chứng nhận của bệnh viện đối với trường hợp người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính mang thai;

đ) Văn bản đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định; trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản trước khi Tòa án ra quyết định.

4. Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại;

b) Không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

5. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Lý do, căn cứ ra quyết định;

d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính;

đ) Tên cơ quan đề nghị;

e) Nội dung của việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại;

g) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;

h) Quyền khiếu nại đối với quyết định;

---

1. Xem Mẫu số 12, 13 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

i) Hiệu lực của quyết định;

k) Nơi nhận quyết định.

6. Quyết định về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại khoản 1 Điều 31 của Pháp lệnh này và phải được gửi cho người được quy định tại khoản 3 Điều 112 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 113. Quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

2. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn

hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*Khoản này được quy định cụ thể tại Điều 28 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13:*

**Điều 28. Hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Khi điều kiện hoãn chấp hành biện pháp xử lý hành chính không còn hoặc người đang được hoãn, tạm đình chỉ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 113 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính cư trú phải gửi văn bản thông báo cho Tòa án đã ra quyết định.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ và buộc người đang được hoãn hoặc tạm

đình chỉ phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực thi hành ngay và phải được gửi cho những người có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 113 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

4. Quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có các nội dung chính sau đây<sup>1</sup>:

- a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Lý do, căn cứ ra quyết định;
- d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- đ) Nội dung việc hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ và buộc người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- e) Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức thi hành quyết định;
- g) Quyền khiếu nại đối với quyết định;
- h) Hiệu lực của quyết định;

---

1. Xem Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP.

i) Nơi nhận quyết định.

3. Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.

**Điều 114. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

1. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó.

*Khoản này được quy định chi tiết tại Điều 37 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 17 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP):*

**Điều 37. Hết thời hạn chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày người được giáo dục chấp hành xong quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho người được giáo dục, lưu hồ sơ, đồng thời gửi bản sao hợp lệ cho tổ chức được giao quản lý, giáo dục và gia đình người được giáo dục biết.



2. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

3. Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

*Đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, từ Điều 41 đến Điều 44 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP quy định:*

**Điều 41. Hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

1. Chậm nhất là mười lăm ngày trước khi hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có trách nhiệm thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ và cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh biết ngày học sinh ra trường.

2. Khi học sinh đã chấp hành xong quyết định thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cho người đó và gửi bản sao cho Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ và cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Trường hợp đã chấp hành xong quyết định mà vẫn chưa thực sự tiến bộ thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp quản lý, giáo dục tiếp theo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ.

3. Đối với học sinh dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định mà không rõ cha, mẹ, nơi cư trú hoặc không có nơi nương tựa thì được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi trường giáo dưỡng đóng trụ sở.

4. Đối với học sinh dưới 16 tuổi đã chấp hành xong quyết định và người ốm đau, bệnh tật đến ngày ra trường mà không có thân nhân đến đón thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có trách nhiệm cử cán bộ đưa họ về tận gia đình hoặc về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ. Thân nhân người đã chấp hành xong quyết định hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận người đó.

5. Người đã chấp hành xong quyết định được nhận lại tiền và đồ vật gửi lưu ký, các văn bằng, chứng chỉ học văn hóa, học nghề (nếu có); được cấp tiền tàu xe,

tiền ăn đường và một bộ quần áo thường (nếu họ không có) và phải trả lại chiếu, chăn, màn và vật dụng, trang thiết bị dùng cho việc học tập, lao động, sinh hoạt đã được trường giáo dưỡng cho mượn; nếu làm mất thì phải bồi thường.

6. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày về địa phương, người đã chấp hành xong quyết định phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cùng cấp nơi mình cư trú.

**Điều 42. Hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Chậm nhất là mười lăm ngày trước khi hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc có trách nhiệm thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ và cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người thân của trại viên biết ngày trại viên ra khỏi cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Khi người được đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đã chấp hành xong quyết định thì Giám đốc cơ sở giáo dục cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc cho người đó và gửi bản sao cho Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ và cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người thân của người đó.

Trường hợp chấp hành xong quyết định mà vẫn chưa thực sự tiến bộ thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt

buộc phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp quản lý, giáo dục tiếp theo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập hồ sơ.

3. Người đã chấp hành xong quyết định được nhận lại tiền và đồ vật gửi lưu ký, các văn bằng, chứng chỉ học văn hóa, học nghề (nếu có); được cấp tiền tàu xe, tiền ăn đường và một bộ quần áo thường (nếu họ không có) và phải trả lại chiếu, chăn, màn và vật dụng, trang thiết bị dùng cho việc học tập, lao động, sinh hoạt đã được cơ sở giáo dục bắt buộc cho mượn; nếu làm mất thì phải bồi thường.

4. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày về địa phương, người đã chấp hành xong quyết định phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cùng cấp nơi mình cư trú.

### **Điều 43. Tái hòa nhập cộng đồng**

1. Hai tháng trước khi học sinh, trại viên chấp hành xong quyết định, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc thông báo cho Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ về cư trú để chủ động theo dõi, giáo dục, giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng; tổ chức phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của học sinh, trại viên.

Bộ Công an hướng dẫn hoạt động tư vấn, phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, giáo dục kỹ năng sống, thị trường lao động, trợ giúp pháp lý cho học sinh, trại viên.

2. Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thành lập Quỹ hòa nhập cộng đồng từ nguồn kinh phí thu được do kết quả lao động của học sinh, trại viên theo quy định tại Nghị định này để hỗ trợ hoạt động hòa nhập cộng đồng cho học sinh, trại viên khi chấp hành xong quyết định.

Bộ Công an, Bộ Tài chính quy định cụ thể việc lập, quản lý, sử dụng Quỹ hòa nhập cộng đồng.

#### **Điều 44. Biện pháp tái hòa nhập cộng đồng**

1. Biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

a) Thông tin, truyền thông giáo dục nhằm định hướng, khuyến khích, động viên việc giáo dục, giúp đỡ, xóa bỏ sự định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử với người chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, giúp họ ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng;

b) Người chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được chính quyền địa phương, tổ chức xã hội theo dõi, giúp đỡ, giáo dục trong thời gian kể từ khi họ chấp hành xong quyết định cho đến khi họ được coi như chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại các Điều 7, Điều 137 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nội dung theo dõi, giáo dục, giúp đỡ bao gồm: Tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong quyết định; tư vấn, trợ giúp về tâm lý, các thủ tục pháp lý; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân, cấp Phiếu lý lịch tư pháp; theo dõi người chấp hành xong quyết định; hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; phát hiện, ngăn chặn, xử lý khi có hành vi vi phạm pháp luật; hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn, tổ chức học tập, dạy nghề, tìm kiếm, giới thiệu việc làm; tạo các điều kiện cần thiết khác giúp người chấp hành xong quyết định ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, tránh tái phạm;

c) Người chấp hành xong quyết định được quan tâm dạy nghề, giải quyết việc làm tùy thuộc vào điều kiện sức khỏe, khả năng chuyên môn, nhu cầu của người sử dụng lao động và điều kiện thực tế của địa phương; được xem xét hỗ trợ cho vay vốn từ các ngân hàng chính sách xã hội, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện ở địa phương và được xét hỗ trợ một phần vốn đối với người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách để tạo việc làm, lao động, sản xuất, kinh doanh;

d) Nhà nước khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn, dạy nghề, giới thiệu việc làm, giúp đỡ những người chấp hành xong quyết định tái hòa nhập cộng đồng; khuyến khích việc tiếp nhận người chấp hành

xong quyết định vào làm việc trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2. Biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng

a) Việc tái hòa nhập cộng đồng cho người đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người chưa thành niên chấp hành xong quyết định được ưu tiên học văn hóa, học nghề, giải quyết việc làm, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ vay vốn để học tập, tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống.

*Đối với biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Điều 31 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định:*

**Điều 31. Hết hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Học viên đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Giấy chứng nhận được lập thành 04 bản, 01 bản cho học viên đó, 01 gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên đó cư trú và 01 bản lưu tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Học viên không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động thì sau khi hết thời hạn

chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để chăm sóc.

3. Quyền và nghĩa vụ của học viên sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Được cấp chứng chỉ, bằng cấp học văn hóa, học nghề (nếu có);

b) Học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe để trở về nơi cư trú;

c) Phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị, công cụ lao động và bảo hộ lao động đã mượn, trường hợp làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.

### *Chương V*

## **CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH**

**Điều 115. Tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự**

1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám



đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính ra khỏi nơi chấp hành biện pháp đó để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó.

2. Thời gian tạm thời đưa ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp đó.

*Đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, việc tạm thời đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự được quy định tại Điều 10 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 10. Tạm thời đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự**

1. Khi có yêu cầu đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền phải có văn bản gửi Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, trong đó phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của học sinh, trại viên, lý do và thời hạn tạm thời đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc. Căn cứ vào văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ra quyết định tạm thời đưa

học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc để tham gia tố tụng. Quyết định phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của học sinh, trại viên; mục đích, thời hạn tạm thời đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; họ tên, chức vụ của người ký quyết định.

2. Cơ quan có yêu cầu đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc có trách nhiệm đưa học sinh, trại viên đi và trả lại họ theo đúng thời hạn đã ghi trong quyết định hoặc khi không còn yêu cầu. Khi giao, nhận phải lập biên bản.

3. Thời hạn tạm thời đưa học sinh, trại viên ra khỏi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc được tính vào thời hạn chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc.

*Vấn đề tạm thời đưa học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự được quy định chi tiết tại Điều 20 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP như sau:*

**Điều 20. Tạm thời đưa học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự**

1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để tham

gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải thể hiện bằng văn bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc trước khi đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở. Văn bản yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau: họ tên học viên, lý do và thời gian đưa học viên ra khỏi cơ sở.

2. Cơ quan có yêu cầu đưa học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu trách nhiệm đưa đối tượng đi và đưa đối tượng trở lại cơ sở đúng thời hạn đã ghi trong quyết định tạm thời đưa học viên ra khỏi cơ sở. Khi giao, nhận học viên phải lập biên bản theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc về việc gia hạn.

### **Điều 116. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Khi xem xét hồ sơ của đối tượng để quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm của người đó có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

2. Đối với trường hợp đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Tòa án nhân dân đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải hủy quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày hủy quyết định phải chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì thời hạn đối tượng đã chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù; 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù.

*Đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, việc chuyển hồ sơ của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định chi tiết tại Điều 8 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 8. Chuyển hồ sơ của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Khi xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc,

nếu xét thấy hành vi vi phạm của người đó có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án kèm theo hồ sơ được chuyển cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển cho Trưởng công an cấp huyện để chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa chấp hành quyết định thì Trưởng Công an cấp huyện nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy quyết định đó. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt

buộc phải chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền. Nếu sau đó, có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội, thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân để xem xét, ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó;

b) Trường hợp người đó đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc đề nghị Tòa án nhân dân đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc xem xét, quyết định hủy quyết định đối với người đó. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền. Nếu sau đó, có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội, thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân để xem xét, ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

**Điều 117. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính**

Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp

xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

*Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp được quy định chi tiết tại Điều 35 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) như sau:*

**Điều 35. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã thực hiện

hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

2. Trường hợp có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội thì người đó phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà mình đã ban hành.

3. Trường hợp người đó bị Tòa án xử phạt tù thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Trường hợp bị Tòa án xử phạt không phải là hình phạt tù, thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

*Đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, việc truy cứu trách nhiệm*



*hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định tại Điều 9 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP như sau:*

**Điều 9. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc**

1. Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa chấp hành quyết định thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền;

b) Trường hợp đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ra quyết định

tạm đình chỉ chấp hành quyết định đối với người đó, đồng thời chuyển hồ sơ và người đó cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa họ vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Trường hợp có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đưa đối tượng trở lại để họ tiếp tục chấp hành quyết định. Khi tiếp nhận trở lại thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc mà mình đã ban hành.

3. Trường hợp đối tượng bị Tòa án xử phạt tù thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc phải ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc do mình ban hành.

### **Điều 118. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này.

3. Trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi, đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu có hành vi vi phạm các quy định tại Điều 94 của Luật này thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng có hành vi quy định tại đoạn 1 khoản này trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến của Trưởng phòng Tư pháp về tính pháp lý của hồ sơ trước khi xem xét, gửi hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Thủ tục xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định của pháp luật.

...

### *Phần thứ sáu*

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 141. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các

biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014<sup>1</sup>.

2. Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10, Pháp lệnh số 31/2007/PL-UBTVQH11 sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào cơ sở chữa bệnh tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

---

1. Điều 103 Luật Hải quan năm 2014 quy định: “Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015”; khoản 1 Điều 104 Luật Thủy sản năm 2017 quy định: “Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019”. (BT).

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Danh mục các văn bản pháp luật và các văn bản có liên quan đến các biện pháp xử lý hành chính	7
Luật Xử lý vi phạm hành chính ( <i>trích</i> )	13
Phần thứ nhất	
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	13
Phần thứ ba	
ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	30
Chương I: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	30
Chương II: THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	46
Chương III: THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	114
Chương IV: THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	152
Chương V: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	230
Phần thứ sáu	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	241
	243

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: [suthat@nxbctgg.vn](mailto:suthat@nxbctgg.vn), Website: [www.nxbctgg.vn](http://www.nxbctgg.vn)

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

\* HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

\* LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (HIỆN HÀNH)  
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014, 2017)

\* LUẬT LUẬT SƯ (HIỆN HÀNH)  
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2012, 2015)



**Giá: 73.000đ**